

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của Nhà máy sản xuất phân bón

Bioway Hitech

Sóc Trăng, năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của Nhà máy sản xuất phân bón

Bioway Hitech

CHỦ CƠ SỞ



Nguyễn Thanh Liêm

Sóc Trăng, năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	1
1. Tên chủ cơ sở.....	1
2. Tên cơ sở.....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở	2
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:	2
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	2
3.3. Sản phẩm của cơ sở:	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	12
5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	12
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	15
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	15
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	15
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	16
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	16
1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	16
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	16
1.3. Xử lý nước thải:	16
2. Công trình các biện pháp xử lý bụi, khí thải	18
2.1. Giảm thiểu bụi quá trình sản xuất.....	18
2.2. Giảm thiểu mùi từ quá trình sản xuất.	19
2.3. Kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất	19
2.4. Giảm thiểu bụi, khí thải từ lò sấy	20
2.5. Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông.....	20
2.6. Bụi, khí thải từ máy phát điện	21
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	21
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	23
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	23

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	24
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)	27
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)	27
9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi thường đa dạng sinh học (nếu có)	28
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	29
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	29
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	29
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	30
4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường	31
5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn nguy hại	32
CHƯƠNG V KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	33
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	33
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	33
CHƯƠNG VI CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	35
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:	35
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật:	35
3. Kinh phí thực hiện quan trắc hàng năm:	35
CHƯƠNG VII KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	36
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	37

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	Nhu cầu oxy sinh hóa 5 ngày
BTNMT	Bộ Tài nguyên và môi trường
BNNPTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
BVMT	Bảo vệ môi trường
BXD	Bộ Xây dựng
CH ₄	Khí metan
CO	Cacbon monoxit
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
DO	Nồng độ oxy hòa tan
H ₂ S	Hydro sunfua
NH ₃	Khí ammoniac
NĐ-CP	Nghị định chính phủ
NO ₂	Nitơ đioxit
pH	Chỉ số đo hoạt động của ion hydro
Ppm	Đơn vị phần triệu
QĐ	Quyết định
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
SO ₂	Lưu huỳnh đioxit
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXD	Tiêu chuẩn xây dựng
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TN&MT	Tài nguyên và môi trường
TT	Thông tư
TSS	Tổng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Nguyên – nhiên – vật liệu phục vụ cho hoạt động của cơ sở.....	11
Bảng 1.2 Các hạng mục công trình của cơ sở	12
Bảng 3.1 Bảng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	23
Bảng 3.2 Khối lượng nước thải phát sinh tại thời điểm cao điểm tại cơ sở của Giấy phép môi trường so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường	28
Bảng 4.1. Giới hạn tối đa cho phép về các thông số trong nước thải.....	30
Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn(theo mức âm tương đương), dBA	31
Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ	31
Bảng 4.4. Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở.....	32
Bảng 5.1: . Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải 16/06/2023	33
Bảng 5.2: . Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sinh hoạt giai đoạn năm 2022-2023	34

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ.....	3
Hình 1.2. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ-đa lượng	5
Hình 1.3. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ-sinh học.....	7
Hình 1.4. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ-vi sinh.....	9
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở	16
Hình 3.2. Sơ đồ hầm tự hoại ba ngăn	17
Hình 3.3. Sơ đồ quy trình xử lý khí thải	20
Hình 3.4. Quy trình thu gom xử lý chất thải rắn	22

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Phân Bón Bioway Hitech.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô Q1, đường N1, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- Người đại diện theo pháp luật của cơ sở: Ông Huỳnh Thanh Liêm.
- Điện thoại: 02993 616 838.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số: 2200645182 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/08/2020. Đăng ký tại Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech.
- Địa điểm cơ sở: Lô Q1, đường N1, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech”
- Quy mô của cơ sở: với tổng vốn đầu tư 60.000.000.000 đồng (bằng chữ: sáu mươi tỷ đồng) thì cơ sở thuộc nhóm B (theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công). Dự án thuộc khoản 2, mục số II, Phụ lục IV và mẫu X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Vị trí địa lý của cơ sở: Cơ sở được đầu tư xây dựng tại Lô Q1, đường N1, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc : Giáp với hành lang cây xanh (Kênh thè 25);

Phía Đông : Giáp với Công ty TNHH CBTS XK Thảo Nguyên;

Phía Nam : Giáp với đường N1;

Phía Tây : Giáp với Công ty cổ phần phân bón Đồi Trâu.

* Tọa độ của cơ sở:

Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 6⁰:

Điểm 1: X: 1061492; Y: 0551419

Điểm 2: X: 1062244; Y: 0549306

Điểm 3: X: 1066088; Y: 0549640

Điểm 4: X: 1057011; Y: 0510593

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

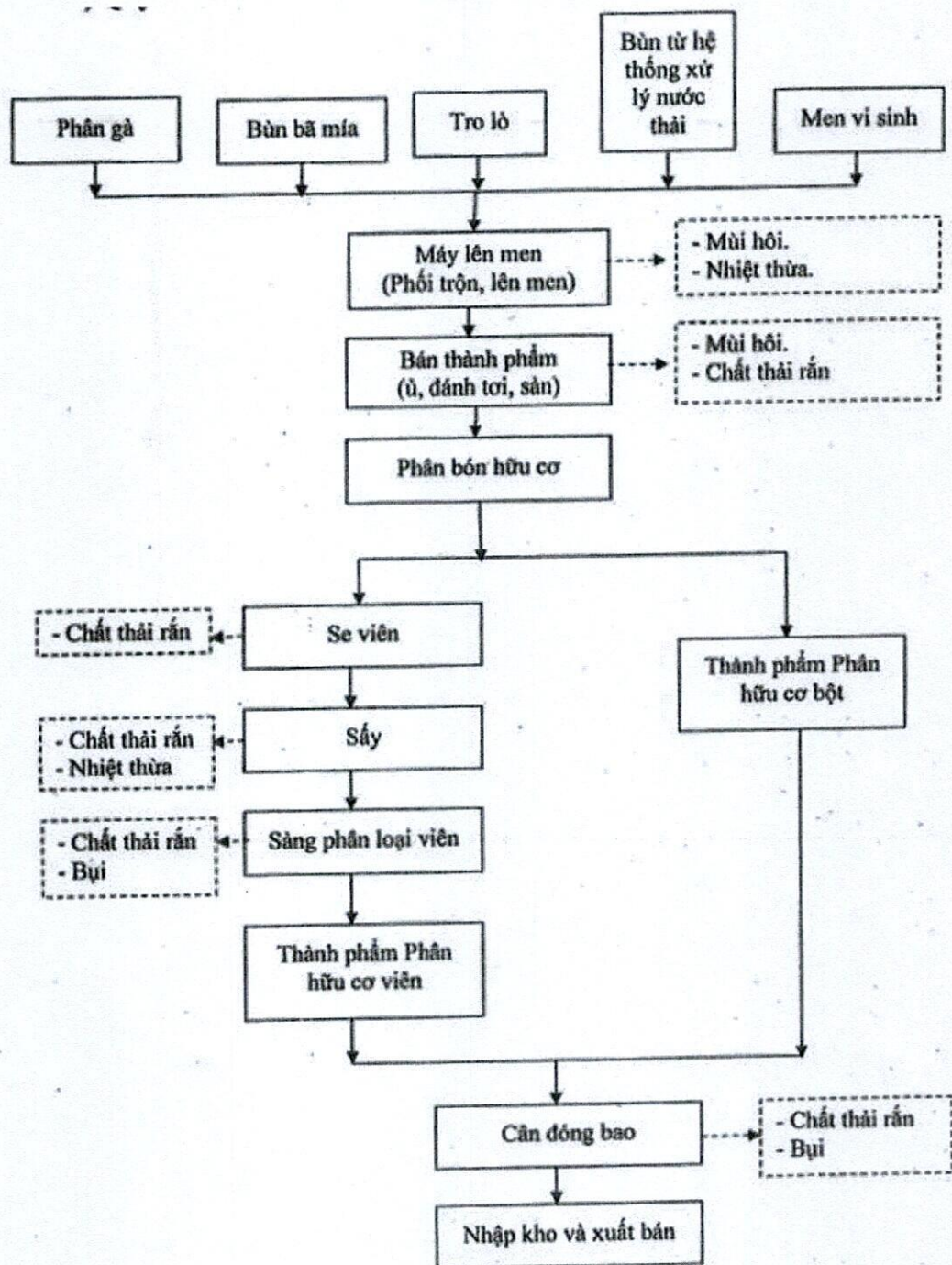
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Công suất của cơ sở là 30.000 tấn sản phẩm/năm; tương đương khoảng 82 tấn sản phẩm/ngày, gồm phân hữu cơ dạng bột và dạng viên như sau:

- Phân hữu cơ;
- Phân hữu cơ – vi sinh;
- Phân hữu cơ – sinh học;
- Phân hữu cơ – đa lượng;
- Phân bón NPK – hữu cơ.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

a) Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ



Hình 1.1. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ

Thuyết minh quy trình:

- Nguyên liệu đầu vào gồm bùn bã mía đã được ủ hoai, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, phân gà đã được ủ hoai, tro lò và men vi sinh theo tỷ lệ định lượng sẽ được nạp vào máy vi sinh lên men tốc độ cao AT để thực hiện công đoạn lên men. Máy lên men vi sinh là hệ thống hoạt động điều khiển tự động bao gồm bồn kín, bên trong bồn có cánh quạt quay liên tục nhằm phối trộn nguyên liệu trong hệ thống kín và phía dưới bồn có hệ thống cung cấp nhiệt bằng điện trở với nhiệt

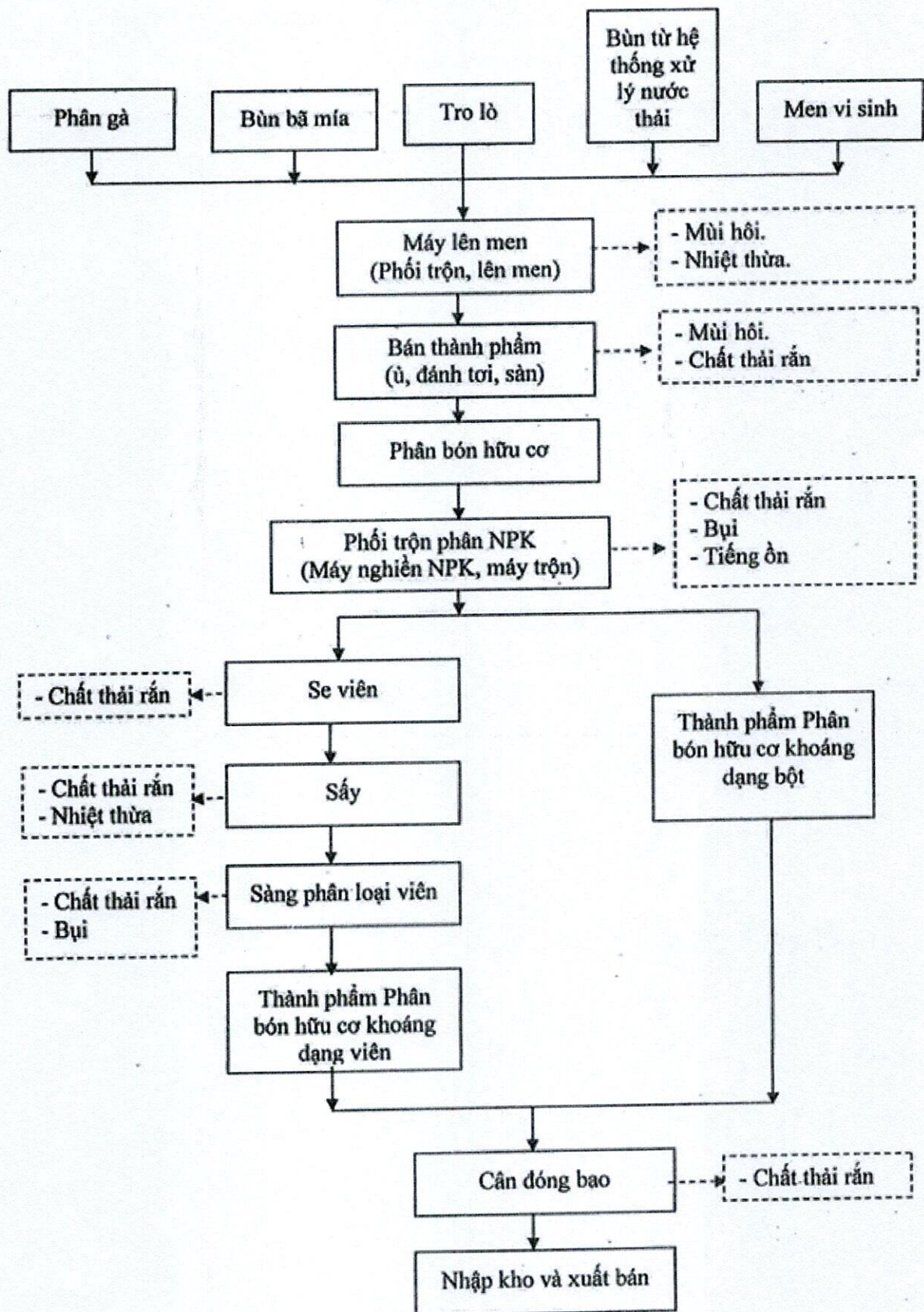
độ từ 100 – 120⁰C (nhiệt độ trong phân từ 100 – 120⁰C, nhiệt độ dầu 200-220⁰C). Quá trình lên men hệ vi sinh sẽ hoạt động phân giải các vật chất như xenlulo, phân giải đạm, phân giải lân với thời gian hoạt động từ 6h – 12h, quá trình hoạt động oxy từ môi trường được cung cấp liên tục nhằm giúp cho vi sinh hiếu khí hoạt động. Quá trình hoạt động của vi sinh cũng phát sinh khí thải với lưu lượng thấp, không đáng kể. Kết thúc quá trình lên men tạo bán thành phẩm ẩm độ đạt khoảng 60%.

- Sau quá trình lên men bán thành phẩm sẽ được ủ trong thời gian 15 ngày, quá trình ủ sẽ được thực hiện đảo trộn 4 ngày/lần, nhằm giúp vi sinh phát triển và giảm ẩm độ trong bán thành phẩm đạt mức là 35%. Khi bán thành phẩm đạt ẩm độ, sẽ cho vào hệ thống máy đánh tơi và sàng lồng nhằm đánh tơi bán thành phẩm và loại bỏ tạp chất trong bán thành phẩm để tạo thành phân hữu cơ có chứa các trung lượng như CaO, MgO, S, SiO₂ và hệ vi sinh cố định đạm. Tại công đoạn này những phân hữu cơ chưa phân hủy hết sẽ được loại ra đưa vào nguyên liệu và nạp vào máy lên men, nhằm cho vi sinh phân giải tiếp.

- Phân bón hữu cơ sẽ được phân thành 02 dạng, đối với dạng bột sẽ được tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng, đạt yêu cầu sẽ chuyển qua công đoạn cân, đóng bao và nhập kho chờ xuất bán.

Riêng dạng hạt sẽ được thực hiện tiếp các công đoạn như sau: phân bón hữu cơ sẽ tiếp tục qua công đoạn se viên bằng máy se viên. Sau khi se viên sẽ đưa qua hệ thống sấy với công suất 5 tấn/h, nhiệt được cung cấp từ lò đốt than đá với mức tiêu thụ than đá là 300 kg/h, nhiệt độ trong buồng đốt đạt khoảng 400⁰C. Tại công đoạn này phát sinh chất thải là tro với mức khoảng 10% so với than nguyên liệu (30 kg tro/h), lượng tro này được sử dụng toàn bộ làm nguyên liệu sản xuất đầu vào. Khi phân hữu cơ dạng viên đạt độ ẩm quy định sẽ được đưa qua hệ thống sàng với các lưới có kích thước khác nhau để phân loại viên. Tại công đoạn này những hạt viên nhỏ rớt qua lưới sàng sẽ được thu gom đưa trở lại hệ thống se viên để tiếp tục quy trình. Sau đó tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng, đạt yêu cầu sẽ chuyển qua công đoạn cân, đóng bao và nhập kho chờ xuất bán.

b) Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ-đa lượng



Hình 1.2. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ-đa lượng

Thuyết minh quy trình:

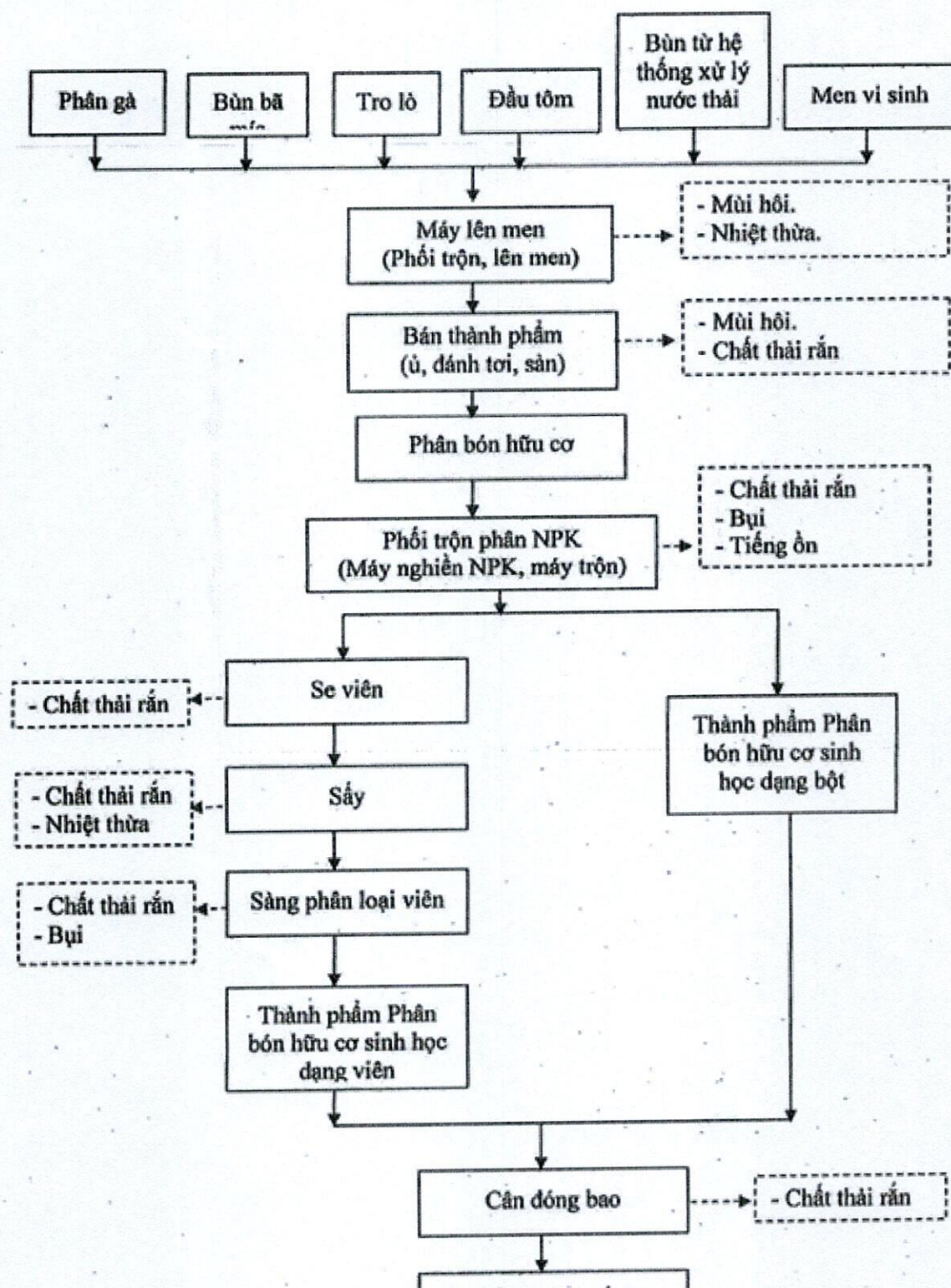
- Nguyên liệu đầu vào gồm bùn bã mía đã được ủ hoại, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, phân gà đã được ủ hoại, tro lò và men vi sinh theo tỷ lệ định lượng sẽ được nạp vào máy vi sinh lên men tốc độ cao AT để thực hiện công đoạn lên men. Máy lên men vi sinh là hệ thống hoạt động điều khiển tự động bao gồm bồn kín, bên trong bồn có cánh quạt quay liên tục nhằm phối trộn nguyên liệu trong hệ thống kín và phía dưới bồn có hệ thống cung cấp nhiệt bằng điện trở với nhiệt độ từ 100 – 120⁰C (nhiệt độ trong phân từ 100 – 120⁰C, nhiệt độ dầu 200-220⁰C). Quá trình lên men hệ vi sinh sẽ hoạt động phân giải các vật chất như xenlulo, phân giải đạm, phân giải lân với thời gian hoạt động từ 6h – 12h, quá trình hoạt động oxy từ môi trường được cung cấp liên tục nhằm giúp cho vi sinh hiếu khí hoạt động. Quá trình hoạt động của vi sinh cũng phát sinh khí thải với lưu lượng thấp, không đáng kể. Kết thúc quá trình lên men tạo bán thành phẩm ẩm độ đạt khoảng 60%.

- Sau quá trình lên men bán thành phẩm sẽ được ủ trong thời gian 15 ngày, quá trình ủ sẽ được thực hiện đảo trộn 4 ngày/lần, nhằm giúp vi sinh phát triển và giảm ẩm độ trong bán thành phẩm đạt mức là 35%. Khi bán thành phẩm đạt ẩm độ, sẽ cho vào hệ thống máy đánh tơi và sàng lòng nhằm đánh tơi bán thành phẩm và loại bỏ tạp chất trong bán thành phẩm để tạo thành phân hữu cơ có chứa các trung lượng như CaO, MgO, S, SiO₂ và hệ vi sinh cố định đạm. Tại công đoạn này những phân hữu cơ chưa phân hủy hết sẽ được loại ra đưa vào nguyên liệu và nạp vào máy lên men, nhằm cho vi sinh phân giải tiếp.

- Sau đó, Phân bón hữu cơ sẽ được phối trộn thêm phân NPK bằng máy trộn theo tỉ lệ quy định để tạo thành phân bón hữu cơ-đa lượng. Phân NPK trước khi phối trộn được nghiền mịn bằng máy nghiền.

- Phân bón hữu cơ-đa lượng sẽ được phân thành 02 dạng, đối với dạng bột sẽ được tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng, đạt yêu cầu sẽ chuyển qua công đoạn cân, đóng bao và nhập kho chờ xuất bán. Riêng dạng hạt sẽ được thực hiện tiếp các công đoạn như sau: phân bón hữu cơ-đa lượng sẽ tiếp tục qua công đoạn se viên bằng máy se viên. Sau khi se viên sẽ đưa qua hệ thống sấy với công suất 5 tấn/h, nhiệt được cung cấp từ lò đốt than đá với mức tiêu thụ than đá là 300 kg/h, nhiệt độ trong buồng đốt đạt khoảng 400⁰C. Tại công đoạn này phát sinh chất thải là tro với mức khoảng 10% so với than nguyên liệu (30 kg tro/h), lượng tro này được sử dụng toàn bộ làm nguyên liệu sản xuất đầu vào. Khi phân hữu cơ dạng viên đạt độ ẩm quy định sẽ được đưa qua hệ thống sàng với các lưới có kích thước khác nhau để phân loại viên. Tại công đoạn này những hạt viên nhỏ rớt qua lưới sàng sẽ được thu gom đưa trở lại hệ thống se viên để tiếp tục quy trình. Sau đó tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng, đạt yêu cầu sẽ chuyển qua công đoạn cân, đóng bao và nhập kho chờ xuất bán.

c) Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ-sinh học



Hình 1.3. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ-sinh học

Thuyết minh quy trình:

- Nguyên liệu đầu vào gồm bùn bã mía đã được ủ hoai, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, phân gà đã được ủ hoai, tro lò và men vi sinh theo tỷ lệ định lượng sẽ được nạp vào máy vi sinh lên men tốc độ cao AT để thực hiện công đoạn lên

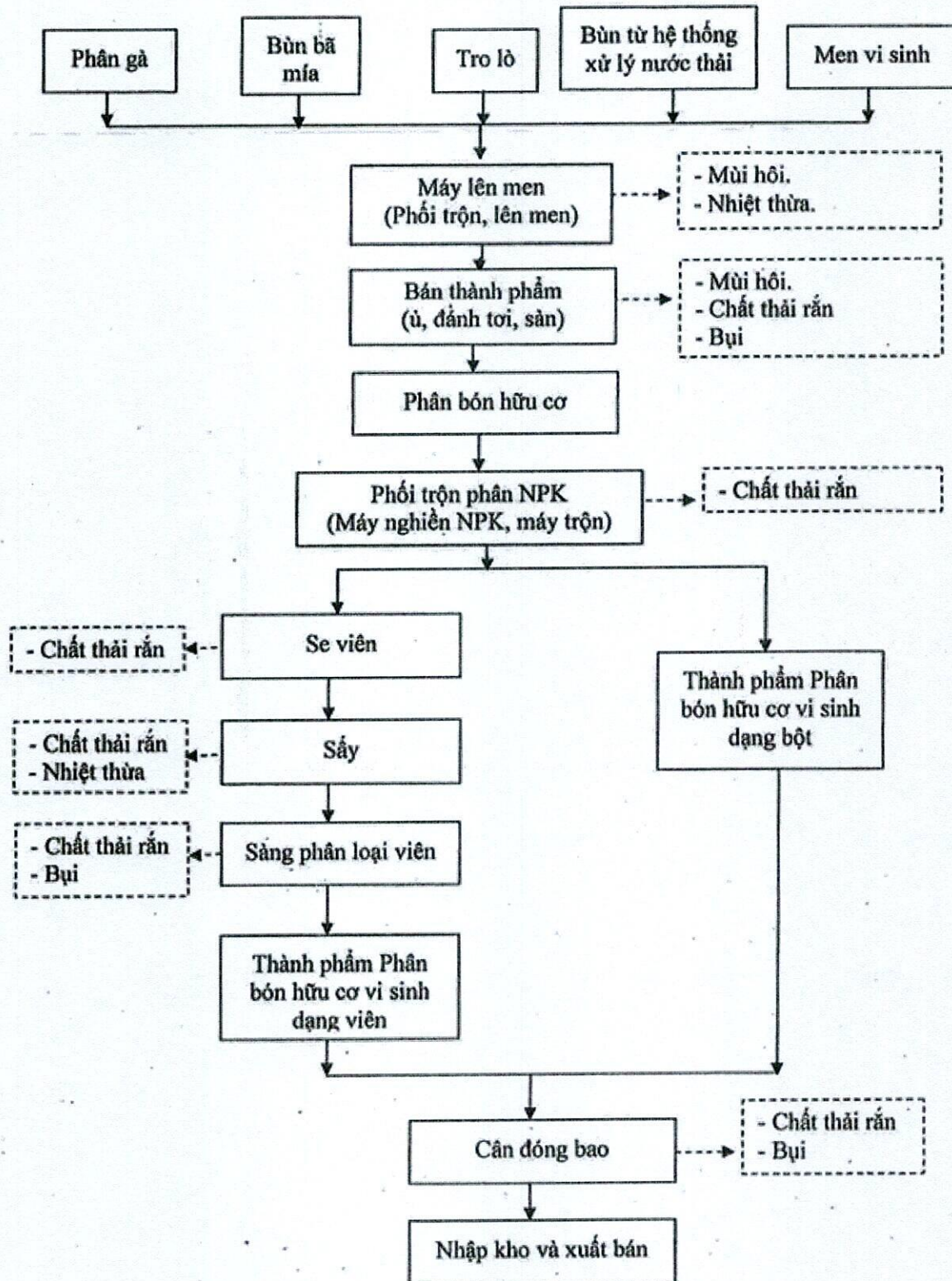
men. Máy lên men vi sinh là hệ thống hoạt động điều khiển tự động bao gồm bồn kín, bên trong bồn có cánh quạt quay liên tục nhằm phối trộn nguyên liệu trong hệ thống kín và phía dưới bồn có hệ thống cung cấp nhiệt bằng điện trở với nhiệt độ từ $100 - 120^{\circ}\text{C}$ (nhiệt độ trong phân từ $100 - 120^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ dầu $200-220^{\circ}\text{C}$). Quá trình lên men hệ vi sinh sẽ hoạt động phân giải các vật chất như xenlulo, phân giải đạm, phân giải lân với thời gian hoạt động từ 6h-12h, quá trình hoạt động oxy từ môi trường được cung cấp liên tục nhằm giúp cho vi sinh hiếu khí hoạt động. Quá trình hoạt động của vi sinh cũng phát sinh khí thải với lưu lượng thấp, không đáng kể. Kết thúc quá trình lên men tạo bán thành phẩm ẩm độ đạt khoảng 60%.

- Sau quá trình lên men bán thành phẩm sẽ được ủ trong thời gian 15 ngày, quá trình ủ sẽ được thực hiện đảo trộn 4 ngày/lần, nhằm giúp vi sinh phát triển và giảm ẩm độ trong bán thành phẩm đạt mức là 35%. Khi bán thành phẩm đạt ẩm độ, sẽ cho vào hệ thống máy đánh toi và sàng lòng nhằm đánh toi bán thành phẩm và loại bỏ tạp chất trong bán thành phẩm để tạo thành phân hữu cơ có chứa các trung lượng như CaO , MgO , S , SiO_2 và hệ vi sinh cố định đạm. Nhờ có nguyên liệu chứa đầu tôm, phân gà kết hợp với các nguyên liệu khác đã tạo ra các thành phần axit humic, axit fulvic trong phân bón hữu cơ. Tại công đoạn này những phân hữu cơ chưa phân hủy hết sẽ được loại ra đưa vào nguyên liệu và nạp vào máy lên men, nhằm cho vi sinh phân giải tiếp.

- Sau đó, Phân bón hữu cơ sẽ được phối trộn thêm phân NPK bằng máy trộn theo tỉ lệ quy định để tạo thành phân bón hữu cơ-sinh học. Phân NPK trước khi phối trộn được nghiền mịn bằng máy nghiền.

- Phân bón hữu cơ-sinh học sẽ được phân thành 02 dạng, đối với dạng bột sẽ được tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng, đạt yêu cầu sẽ chuyển qua công đoạn cân, đóng bao và nhập kho chờ xuất bán. Riêng dạng hạt sẽ được thực hiện tiếp các công đoạn như sau: phân bón hữu cơ sẽ tiếp tục qua công đoạn se viên bằng máy se viên. Sau khi se viên sẽ đưa qua hệ thống sấy với công suất 5 tấn/h, nhiệt được cung cấp từ lò đốt than đá với mức tiêu thụ than đá là 300 kg/h, nhiệt độ trong buồng đốt đạt khoảng 400°C . Tại công đoạn này phát sinh chất thải là tro với mức khoảng 10% so với than nguyên liệu (30 kg tro/h), lượng tro này được sử dụng toàn bộ làm nguyên liệu sản xuất đầu vào. Khi phân hữu cơ dạng viên đạt độ ẩm quy định sẽ được đưa qua hệ thống sàng với các lưới có kích thước khác nhau để phân loại viên. Tại công đoạn này những hạt viên nhỏ rớt qua lưới sàng sẽ được thu gom đưa trở lại hệ thống se viên để tiếp tục quy trình. Sau đó tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng, đạt yêu cầu sẽ chuyển qua công đoạn cân, đóng bao và nhập kho chờ xuất bán.

d) Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ-vi sinh



Hình 1.4. Quy trình sản xuất phân bón hữu cơ-vi sinh

Thuyết minh quy trình:

- Nguyên liệu đầu vào gồm bùn bã mía đã được ủ hoai, bùn từ hệ thống xử lý nước thải, phân gà đã được ủ hoai, tro lò và men vi sinh theo tỷ lệ định lượng

sẽ được nạp vào máy vi sinh lên men tốc độ cao AT để thực hiện công đoạn lên men. Máy lên men vi sinh là hệ thống hoạt động điều khiển tự động bao gồm bồn kín, bên trong bồn có cánh quạt quay liên tục nhằm phối trộn nguyên liệu trong hệ thống kín và phía dưới bồn có hệ thống cung cấp nhiệt bằng điện trở với nhiệt độ từ 100 – 120⁰C (nhiệt độ trong phân từ 100 – 120⁰C, nhiệt độ dầu 200-220⁰C). Quá trình lên men hệ vi sinh sẽ hoạt động phân giải các vật chất như xenlulo, phân giải đạm, phân giải lân với thời gian hoạt động từ 6h – 12h, quá trình hoạt động oxy từ môi trường được cung cấp liên tục nhằm giúp cho vi sinh hiếu khí hoạt động. Quá trình hoạt động của vi sinh cũng phát sinh khí thải với lưu lượng thấp, không đáng kể. Kết thúc quá trình lên men tạo bán thành phẩm ẩm độ đạt khoảng 60%.

- Sau quá trình lên men bán thành phẩm sẽ được ủ trong thời gian 15 ngày, quá trình ủ sẽ được thực hiện đảo trộn 4 ngày/lần, nhằm giúp vi sinh phát triển và giảm ẩm độ trong bán thành phẩm đạt mức là 35%. Khi bán thành phẩm đạt ẩm độ, sẽ cho vào hệ thống máy đánh tơi và sàng lồng nhằm đánh tơi bán thành phẩm và loại bỏ tạp chất trong bán thành phẩm để tạo thành phân hữu cơ có chứa các trung lượng như CaO, MgO, S, SiO₂ và hệ vi sinh cố định đạm (*Azotobacter chlococum*). Tại công đoạn này những phần hữu cơ chưa phân hủy hết sẽ được loại ra đưa vào nguyên liệu và nạp vào máy lên men, nhằm cho vi sinh phân giải tiếp.

- Sau đó, phân bón hữu cơ sẽ được phối trộn thêm phân NPK bằng máy trộn theo tỉ lệ quy định để tạo thành phân bón hữu cơ-vi sinh. Phân NPK trước khi phối trộn được nghiền mịn bằng máy nghiền.

- Phân bón hữu cơ-vi sinh sẽ được phân thành 02 dạng, đối với dạng bột sẽ được tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng, đạt yêu cầu sẽ chuyển qua công đoạn cân, đóng bao và nhập kho chờ xuất bán. Riêng dạng hạt sẽ được thực hiện tiếp các công đoạn như sau: phân bón hữu cơ sẽ tiếp tục qua công đoạn se viên bằng máy se viên. Sau khi se viên sẽ đưa qua hệ thống sấy với công suất 5 tấn/h, nhiệt được cung cấp từ lò đốt than đá với mức tiêu thụ than đá là 300 kg/h, nhiệt độ trong buồng đốt đạt khoảng 400⁰C. Tại công đoạn này phát sinh chất thải là tro với mức khoảng 10% so với than nguyên liệu (30 kg tro/h), lượng tro này được sử dụng toàn bộ làm nguyên liệu sản xuất đầu vào. Khi phân hữu cơ dạng viên đạt độ ẩm quy định sẽ được đưa qua hệ thống sàng với các lưới có kích thước khác nhau để phân loại viên. Tại công đoạn này những hạt viên nhỏ rớt qua lưới sàng sẽ được thu gom đưa trở lại hệ thống se viên để tiếp tục quy trình. Sau đó tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng, đạt yêu cầu sẽ chuyển qua công đoạn cân, đóng bao và nhập kho chờ xuất bán.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Công suất của cơ sở là 30.000 tấn sản phẩm/năm; tương đương khoảng 82 tấn sản phẩm/ngày, gồm các loại phân hữu cơ dạng bột và dạng viên như sau:

- Phân bón hữu cơ: BUMI, BITOCO, BIORICH-ST, TOMIGA, FAGA, GOTA, WADA, GAMI

- Phân bón hữu cơ - vi sinh: GROW, BASIC

- Phân bón hữu cơ - sinh học: BIOMASS, BIOTECH

- Phân bón hữu cơ - đa lượng: BIOHOPE, BIOMI, BITINO, MITO, MIGA,

- Phân bón NPK - hữu cơ: RUFA, RUNFAST

Tuy nhiên, tùy theo nhu cầu sử dụng của thị trường mà cơ cấu sản xuất sản phẩm có thể thay đổi để đáp ứng thị trường.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất và nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

a. Nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở

Bảng 1.1. Nguyên – nhiên – vật liệu phục vụ cho hoạt động của cơ sở

TT	Nguyên - nhiên liệu, hóa chất	Đơn vị tính	Khối lượng sử dụng
1	Bùn bã mía (đã ủ và xử lý vi sinh)	tấn/năm	2.672
2	Bùn (từ hệ thống xử lý nước thải công nghiệp)	tấn/năm	1.200
3	Phân gà (đã ủ và xử lý vi sinh)	tấn/năm	14.000
4	Phụ phẩm thủy sản	tấn/năm	5.000
5	Nguyên liệu phân NPK	tấn/năm	6.500
6	Tro	tấn/năm	6.000
7	Mật đường	tấn/năm	25
8	Vi sinh gốc	tấn/năm	3
9	Bao bì nylon và PP	tấn/năm	10
10	Bio Streme 9442F và Aur solution 9312	lít/tháng	120
11	Hóa chất tẩy rửa và các chất khác	kg/tháng	5
12	Than đá (lò sấy)	kg/tháng	450

(Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Bioway Hitech, 2023)

b. Nhu cầu cung cấp điện:

Nguồn cung cấp: Cơ sở sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện quốc gia trong khu công nghiệp An Nghiệp.

- Nhu cầu sử dụng: Công suất tiêu thụ của cơ sở năm 2022 là 400.000 kWh, từ tháng 1 năm 2023 đến thời điểm hiện tại cơ sở tiêu thụ 370.000 kWh (trung bình: 46.250 kWh/tháng) .

c. Nhu cầu sử dụng nước

Nước cấp phải đảm bảo các tiêu chuẩn về nước sạch tiêu chuẩn về áp lực và lưu lượng hiện hành. Nguồn nước phục vụ cho nhà máy lấy từ nguồn nước của Công ty Cổ phần cấp nước Sóc Trăng tại Khu công nghiệp An Nghiệp để phục vụ cho hoạt động của cơ sở với lưu lượng 4490 m³/năm (tương đương 369 m³/tháng), trong đó;

- Nước cấp cho sinh hoạt: Theo QCVN 01:2021/BXD thì định mức cấp cho nhu cầu sinh hoạt là 80 lít/người/ngày. Tổng số cán bộ, công nhân lao động của cơ sở là 79 người nên lượng nước cấp cho mục đích sinh hoạt tại cơ sở là: 79 người x 80 lít/người/ngày = 6,3 m³/ngày.đêm.

- Nước cấp cho sản xuất như rửa xe, hoạt động của phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm khoảng 2 m³/ngày.

- Nước cấp cho hệ thống phun sương vi sinh khử mùi 2 m³/ngày.

- Nước cấp tưới cây kiểng khoảng 2 m³/ngày.

d. Nhu cầu nhiên liệu

- Dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng dự kiến khoảng 100 lít/tháng và nhiên liệu cung cấp cho xe vận chuyển khoảng 60.000 lít/năm.

- Than đá: khoảng 450 kg/tháng.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở bao gồm các hạng mục công trình xây dựng như sau:

Bảng 1.2. Các hạng mục công trình cơ sở

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Nhà làm việc	m ²	338,9
2	Nhà xưởng sản xuất số 1	m ²	775,2
3	Kho chứa thành phẩm số 1	m ²	775,2
4	Nhà xưởng sản xuất số 2	m ²	3296,5
5	Phòng trực sản xuất	m ²	26,5
6	Kho dụng cụ, thiết bị	m ²	87,8
7	Kho chứa thành phẩm số 2	m ²	204,3

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
8	Nhà xưởng sản xuất 3	m ²	371,9
9	Nhà ở tập thể công nhân	m ²	236
10	Nhà vệ sinh công nhân	m ²	43
11	Trạm hạ áp + máy phát	m ²	17,6
12	Nhà xe bốn bánh – hai bánh	m ²	76,6
13	Cổng tường rào chính	m	129,2
14	Nhà bảo vệ (Cổng chính, phụ)	m ²	18,2
15	Tường rào phụ	m	368,1
16	Bồn hoa – thảm cỏ - cây xanh	m ²	2273,1
17	Nhà xưởng sản xuất số 4	m ²	1620
18	Đường nhựa đá dăm	m ²	1376,6
19	Đường bê tông xi măng	m ²	2125,6
20	Lát gạch sân, nền	m ²	242,4
	Tổng	m²	15.418

(Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Bioway Hitech, 2023)

Nhà làm việc: Nhà trệt, tiêu chuẩn cấp 4, kết cấu kiên cố bê tông cốt thép, nền gạch lát bông, vách tường sơn màu, mái tol.

Kho thành phẩm: làm lớp lót móng đá 4x6 VXM M100 dày 10cm, móng trụ và đà kiềng BTCT đá 1x2 M250, nền bê tông đá 1x2 mác 250 dày 20; Rải vải địa kỹ thuật làm móng công trình, lớp đất tự nhiên đầm chặt k95, tường bao che xung quanh nhà xưởng, mái lợp tôn lạnh mạ kẽm.

Khu vực ủ phân: thiết kế các luống ủ với kích thước mỗi luống ủ là (20m x 2,5m), giữa các luống ủ có các rãnh thu gom nước vào hệ thống thoát nước chung của cơ sở. Nhằm giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ luống ủ, trong quá trình ủ được áp dụng công nghệ ủ compost có bổ sung vi sinh, đồng thời dùng nilon phủ kín luống ủ.

Khu vực đặt dây chuyền sản xuất và khu vực thành phẩm kết cấu công trình dạng nhà kho liên kết nền bê tông đá, vách tường và tol, có cửa thông gió, cột kèo bằng thép không rỉ, mái tol;

Cống cấp và cống thoát nước: Hệ thống cấp nước và thoát nước thông ra môi trường bên ngoài qua các cống có đường kính 0,8m để dễ dàng thoát cũng như nhận nước. Cống làm bằng BTCT.

Phòng trực sản xuất: với diện tích 26,5 m², nền sàn lát gạch, tường xây gạch rỗng 6 lỗ dày 20cm VXM M75, tường sơn nước, hệ thống điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy đầy đủ.

Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn:

Đối với chất thải rắn thông thường: Chủ cơ sở bố trí khoảng 06 thùng chứa rác (thể tích 250 lít/thùng) để thu gom, chứa chất thải sinh hoạt phát sinh.

Đối với khu vực chứa CTNH: diện tích 12 m². Xây tường, sàn lót gạch. Mặt sàn kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH. Trong từng ô hoặc bộ phận của khu vực lưu giữ tạm thời và trên từng thiết bị lưu chứa phải có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Quy hoạch BVMT Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030

Hiện nay Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang ở trong giai đoạn dự thảo, do đó nội dung này chưa đủ cơ sở đánh giá tại thời điểm lập báo cáo.

Cơ sở phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư vào khu công nghiệp An Nghiệp:

- Quyết định số 1024/QĐHC-CTUBND, ngày 09/10/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1465/QĐ-BTNMT ngày 27/07/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nâng công suất Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp An Nghiệp từ 10.000 m³/ngày đêm” tại Khu công nghiệp An Nghiệp xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Quyết định 2506/QĐ-BTNMT ngày 20/12/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp An Nghiệp – tỉnh Sóc Trăng (bổ sung ngành nghề), diện tích 251,13 ha” tại xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Quyết định 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Tổng lượng nước thải phát sinh tại cơ sở khoảng 11 m³/ngày.đêm và được thu gom đầu nổi tại hố ga B20 trên dây cây xanh dọc kênh thẽ 25 của hệ thống thu gom nước thải tập trung Khu công nghiệp An Nghiệp để dẫn về cơ sở xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Căn cứ theo Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ, Cơ sở không thuộc đối tượng phải đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước. Vì vậy, Báo cáo không phải thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

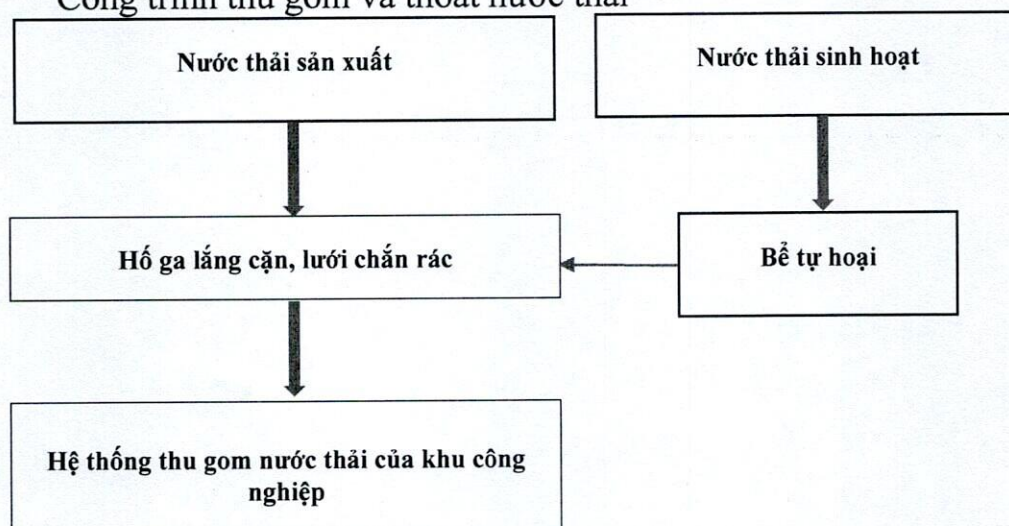
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn từ khu vực văn phòng, nhà xưởng, kho chứa nguyên liệu đường giao thông nội bộ,... được xem là nước sạch, không nhiễm bẩn và được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa nội bộ qua các hố ga lắng cặn lơ lửng và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu công nghiệp An Nghiệp. Đường cống thoát nước mưa BTCT D600 được thiết kế với đường kính 600mm với chiều sâu đáy ống 1m với các hố gom để lắng cát nước chảy theo máng chảy vào ống trung tâm. Sau khi ra khỏi ống trung tâm, nước thải va vào thành bể và chuyển động đi lên, các hạt cặn rơi xuống đáy bể vào hố thu cặn. Nước sau khi lắng tràn qua máng thu đặt xung quanh thành theo ống dẫn qua công trình tiếp theo sau đó khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu công nghiệp An Nghiệp.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

* Công trình thu gom và thoát nước thải



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở

- Nước thải sinh hoạt: Để giảm thiểu ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt cơ sở đầu tư xây dựng nhà vệ sinh theo mô hình bể tự hoại để xử lý lượng nước thải phát sinh hàng ngày và được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của dự án. Dự án xây dựng bể tự hoại với tổng thể tích là 3,1 m³.

Nước thải sinh hoạt cùng với nước thải sản xuất sẽ được dẫn vào hệ thống ống thoát nước thải tại cơ sở và được đầu nối với hố ga B20 trên dây cây xanh dọc kênh thè 25 của hệ thống thu gom nước thải tập trung khu công nghiệp An Nghiệp.

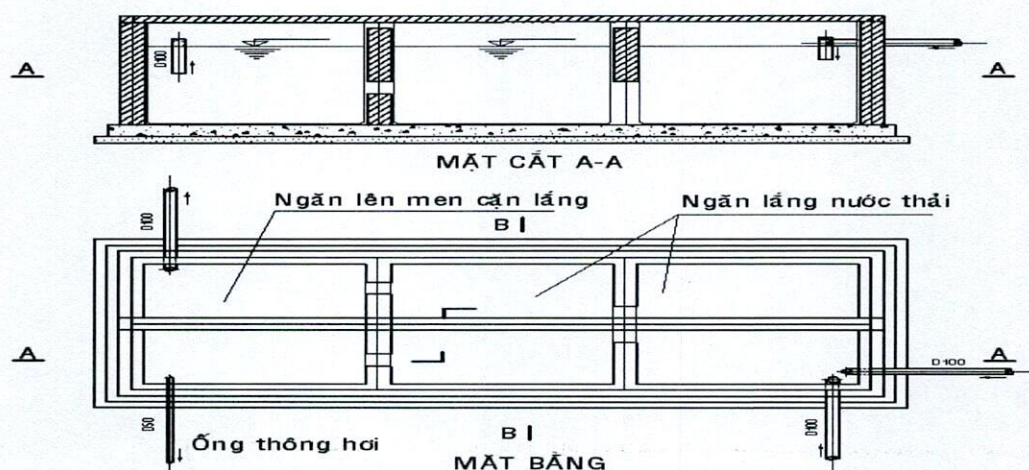
1.3 Xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

Theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP lượng nước thải sinh hoạt phát sinh bằng 100% lượng nước cấp. Do đó lượng nước thải phát sinh tại cơ sở là 6,3 m³/ngày.đêm (79 người x 80 lít/người/ngày).

Để giảm thiểu ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt cơ sở đầu tư xây dựng nhà vệ sinh theo mô hình bể tự hoại để xử lý lượng nước thải phát sinh hàng ngày. Chủ đầu tư xây dựng bể tự hoại với tổng thể tích là 3,1 m³.



Hình 3.2. Sơ đồ hầm tự hoại ba ngăn

Quy trình hoạt động của hầm tự hoại

- Ngăn chứa phân: Có kích thước lớn nhất (chiếm 50%), đây là nơi tích trữ phân. Phân bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

- Ngăn lọc: Nước thải sau khi qua ngăn chứa được dẫn vào ngăn lọc bằng các lỗ thông trên vách.

- Ngăn khử mùi: Chứa than, nước từ ngăn lọc đi ngược lên trên qua than sẽ bị hấp thu mùi hôi trước khi xả ra bên ngoài.

Hiệu suất xử lý cặn được giữ lại trong đáy bể từ 03 – 06 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan.

Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Trong mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng lượng khí phát sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Sau khi qua bể tự hoại thì hàm lượng các chất ô nhiễm BOD₅, COD và SS giảm đáng kể (40 – 50%). Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95% chất rắn lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể.

Khoảng 06 tháng/lần cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng hút bùn ra khỏi bể để mang đi xử lý, nhưng để lại khoảng 20% để giúp cho việc lên men.

Sau khi qua bể tự hoại nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom về hồ thu gom nước thải của cơ sở sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp An Nghiệp.

*** Nước thải sản xuất**

- **Nguồn phát sinh:** Do đặc trưng loại hình của cơ sở là sản xuất phân bón nên nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động rửa xe, hoạt động của phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm, phun sương vi sinh khử mùi.

- Biện pháp xử lý:

Nước thải sản xuất sẽ được thu gom bằng ống PVC có đường kính 200 mm có lắp đặt lưới chắn rác 3 - 5 mm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của cơ sở, hệ thống thu gom nước thải của cơ sở gồm 5 hố ga kích thước DxRxH (1m x 1m x 1m) và được bố trí dọc theo hệ thống thu gom nước thải của cơ sở. Các hố ga được đầu nối với nhau bằng ống nhựa PVC có đường kính 200 mm, sau đó nước thải tự chảy vào điểm đầu nối nước thải nối tại hố ga B20 trên dãy cây xanh dọc kênh thê 25 thoát vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN An Nghiệp.

- Mỗi tháng 2 lần, nhân viên sẽ vệ sinh bùn cặn tại 5 hố ga. Lượng bùn cặn này được xử lý như chất thải thông thường. Đồng thời, định kỳ vệ sinh đường ống thu gom nước thải nội bộ để đảm bảo hệ thống không bị nghẹt trong quá trình lưu thông nước thải; định kỳ kiểm tra đồng hồ đo lưu lượng.

2. Công trình các biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Giảm thiểu bụi quá trình sản xuất

Đặc tính của nguyên liệu và bán thành phẩm có kích thước hạt lớn và độ ẩm cao nên khả năng phát tán bụi là không đáng kể. Riêng các công đoạn sàng phân loại viên và đóng bao sẽ phát sinh bụi nhưng rất ít. Đối với bụi phát sinh tại công đoạn này sẽ được giảm thiểu bằng cách bố trí trong khu vực sản xuất được che chắn kín, phân sau khi được đóng bao sẽ được vận chuyển và kho chứa, yêu cầu công nhân bốc vác thực hiện nhẹ tay. Trong quá trình vệ sinh mặt bằng được thu gom bằng cách cào đồng và sử dụng cầm tay để hút phân nên đã giảm thiểu được khả năng phát tán bụi trong quá trình hoạt động.

- Xây tường rào và trồng cây xanh bao quanh khu vực cơ sở nhằm cải thiện điều kiện vi khí hậu tại cơ sở.

- Đối với bụi từ quá trình bốc, dỡ nguyên liệu, sản phẩm tại sân bãi, kho chứa và bụi từ các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực kho bãi. Để hạn chế

tối đa những ảnh hưởng có thể xảy ra đến sức khỏe của công nhân trực tiếp vận hành cũng như đối với khu vực xung quanh, cơ sở sẽ thực hiện việc vệ sinh mặt bằng hằng ngày, thường xuyên phun nước làm mát và tạo ẩm nhằm hạn chế bụi phát tán vào không khí;

- Trong quá trình vệ sinh nhà xưởng, mặt bằng sản xuất chỉ sử dụng các dụng cụ thu gom không phát sinh nhiều bụi như: cào để thu gom thành đống và dùng xẻng để hốt rác vào thùng chứa. Sau khi hốt sạch sẽ được tưới rửa mặt bằng nhằm hạn chế bụi phát sinh trong quá trình lưu thông trong nội bộ cơ sở.

- Nhựa hóa hoàn toàn đường vận chuyển trong khuôn viên cơ sở;

- Đối với các phương tiện bốc dỡ và vận chuyển thuộc tài sản của cơ sở, tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng tải trọng để giảm thiểu các khí thải độc hại phát sinh trong quá trình lưu thông trong nội bộ cơ sở.

- Trang bị bảo hộ lao động cho những nhân viên làm việc tại khu vực.

2.2. Giảm thiểu mùi từ quá trình sản xuất.

- Các nguyên liệu được vận chuyển bằng xe chuyên dùng như bồn bã mía đã qua xử lý nên hạn chế không phát sinh mùi; bùn từ hệ thống nước thải có mùi không đáng kể; phân gà đã xử lý tại cơ sở chăn nuôi nên mùi không đáng kể; vỏ đầu tôm, phụ phẩm thủy sản xử lý sơ bộ và được chứa trong các phuy kín để hạn chế thấp nhất phát sinh mùi; các nguyên liệu này nhập hàng ngày và đưa vào sản xuất với khối lượng ít chỉ nhập đủ nhu cầu sản xuất trong ngày; không lưu chứa, tồn trữ tại cơ sở.

- Lắp đặt hệ thống phun sương tự động với tổng cộng khoảng 200 vòi phun, thời gian phun định kỳ cách nhau 05 phút, thời gian phun 30 giây/1 lần, lưu lượng một vòi phun là 20 lít/h, dung dịch phun có chứa vi sinh khử mùi với nồng độ 20%. Vị trí phun sương được đặt tại tất cả các khu vực có khả năng phát sinh mùi hôi như: khu vực chứa nguyên liệu, khu ủ phân, khu nhập liệu, khu bán thành phẩm. Định kỳ 2 lần/ngày bố trí công nhân kiểm tra tất cả các vòi phun nhằm kịp thời phát hiện và sửa chữa đối với các vòi phun bị nghẹt, hệ thống phun bị hư hỏng không hoạt động được và bổ sung dung dịch phun đảm bảo cho thời gian vận hành liên tục.

2.3. Kiểm soát ô nhiễm không khí từ hoạt động sản xuất

Trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí do hoạt động sản xuất:

- Các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của cơ sở là thiết bị mới, hiện đại để hạn chế lượng bụi phát sinh, tránh thất thoát và lãng phí nguyên vật liệu cao nhất; được thường xuyên kiểm tra, bảo trì định kỳ, đảm bảo thiết bị hoạt động ở điều kiện tối ưu.

- Quá trình lên men vi sinh luôn đảm bảo cung cấp đủ lượng oxy để thúc đẩy quá trình sản xuất; khu vực ủ phân được thiết kế thoáng gió để đảm bảo quá trình phát triển của vi sinh ổn định và hạn chế tối thiểu mùi hôi phát sinh.

- Sử dụng phương pháp đóng bao tự động để hạn chế phát sinh bụi sản phẩm gây lãng phí và giảm ô nhiễm không khí.

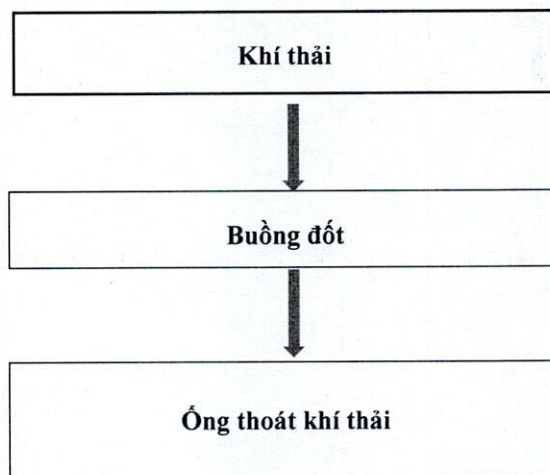
- Công nhân trực tiếp tham gia vào sản xuất được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như: khẩu trang, giày, quần áo bảo hộ lao động...vv.

- Xây dựng quy trình sản xuất và hướng dẫn công nhân thực hiện đúng quy trình sản xuất.

2.4. Giảm thiểu bụi, khí thải từ lò sấy

Để giảm thiểu lượng bụi, khí thải phát sinh từ lò sấy gây ô nhiễm môi trường không khí tại khu vực cơ sở. Cơ sở áp dụng biện pháp lắp đặt buồng đốt.

+ Quy trình xử lý khói thải:



Hình 3.3. Sơ đồ quy trình xử lý khói thải

+ Thuyết minh quy trình xử lý:

Lò sấy với kích thước 3m x 4,5m với nguyên liệu là than đá, sử dụng nhiệt từ lò đốt than đá để cấp cho hệ thống sấy, nhiệt độ tại buồng đốt có thể đạt khoảng 400 °C; Nhiệt từ buồng đốt cung cấp qua hệ thống sấy được bảo ôn cách nhiệt sau đó được phát thải ra ngoài với chiều cao ống khói là 6m. Các thông số; bụi tổng, NO₂, SO₂, CO sau khi xử lý đạt Quy chuẩn môi trường Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT.

2.5. Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông

Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm,...được xem là dạng ô nhiễm phân tán dọc theo tuyến đường vận chuyển. Do đặc điểm của nguyên liệu là thu gom chất thải từ các quá trình sản xuất khác để là nguyên liệu sản xuất của cơ sở nên thời gian, địa điểm cũng như tần suất thu gom thường

không cố định, phụ thuộc vào lượng phát sinh tại các cơ sở cung cấp. Tuy nhiên, để hạn chế, ngăn ngừa tác động từ bụi và khí thải của các phương tiện giao thông, cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển phải đạt tiêu chuẩn của Cục theo quy định, nhằm đảm bảo khí thải phát sinh an toàn về môi trường trong quá trình vận chuyển.

- Xe chở đúng tải trọng và tốc độ, tuân thủ các điều kiện về phương tiện lưu thông trên đường theo qui định của luật giao thông đường bộ; sử dụng xe tải mui che bạt kín để đầy kín nguyên liệu, không rơi rãi nguyên liệu trong quá trình vận chuyển và thường xuyên vệ sinh rửa xe sạch sẽ.

- Đối với tác động trong quá trình vận chuyển bùn bã mía: chủ cơ sở sử dụng xe ben chuyên dùng để vận chuyển, đầy bạt kín để tránh rơi vãi và phát tán mùi trong suốt quá trình vận chuyển.

- Đối với tác động trong quá trình vận chuyển phân gà: phân gà sẽ được thu gom vào bồn chứa, sử dụng xe chuyên dụng riêng của cơ sở để vận chuyển phân gà về cơ sở. Xe chuyên dụng được thiết kế một bồn kín 5m³ và có máy bơm để hút phân gà từ bồn ở trang trại và vận chuyển về cơ sở sản xuất, sau đó phân gà được bơm trực tiếp vào bồn sản xuất (máy vi sinh lên men AT). Quá trình vận chuyển và đưa về sản xuất đã hạn chế được tối đa việc phát tán mùi hôi ra môi trường xung quanh cũng như ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân sản xuất.

- Đối với quá trình vận chuyển bùn thải của cơ sở xử lý nước thải tập trung: bùn thải đã qua máy ép bùn tại cơ sở xử lý nước thải tập trung sẽ được vận chuyển bằng xe ben có bạt che chắn kín trong quá trình vận chuyển đến cơ sở sản xuất.

2.6. Bụi, khí thải từ máy phát điện

Để giảm thiểu tác động từ máy phát điện dự phòng, chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau:

- Đặt máy phát điện dự phòng tại khu vực cách xa khu vực văn phòng làm việc và khu vực sản xuất, nơi có vị trí thông thoáng.

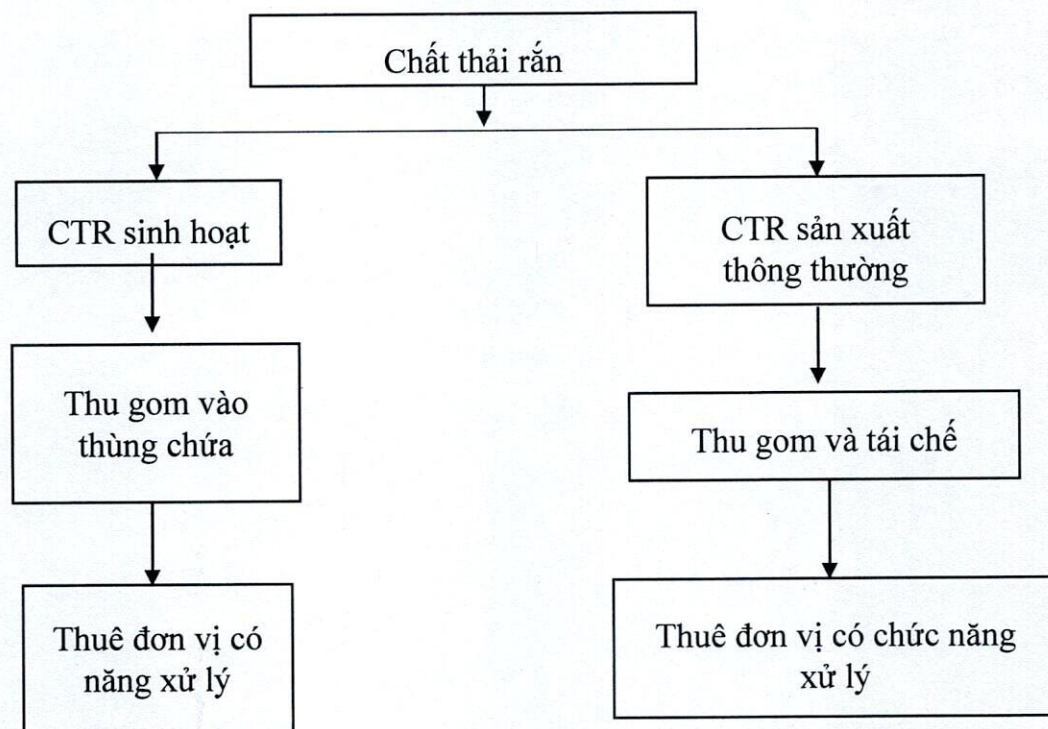
- Lắp đệm chống ồn, rung cho bộ máy phát điện.

- Kiểm tra độ mòn của các chi tiết định kỳ và thường xuyên cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Trang bị ống khói cao cho máy phát điện để giảm thiểu tác động do khí thải.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

Quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn tại cơ sở được trình bày tại hình 3.4 như sau:



Hình 3.4. Quy trình thu gom, xử lý chất thải rắn

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

* **Nguồn phát sinh:** Tổng số lượng công nhân viên làm việc tại cơ sở là 79 người. Theo QCVN 01:2021/BXD thì lượng rác thải sinh hoạt mỗi người ở khu vực nông thôn thải ra là 0,8 kg/người/ngày. Do vậy khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở là khoảng 63 kg/ngày, với thành phần gồm bọc nilong, thực phẩm thừa, chai nhựa,...

*** Biện pháp xử lý:**

- Cơ sở sẽ bố trí 6 thùng nhựa chứa rác có nắp đậy (thể tích 250 lít/thùng) tại các khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt như khu vực nghỉ ngơi của công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Rác thải sinh hoạt được thu gom hằng ngày vào thùng chứa rác, có nắp đậy, tránh rơi vãi và phát sinh mùi, hạn chế ruồi, nhặng, muỗi,... Định kỳ hàng ngày nhân viên vệ sinh thu gom tập kết về khu tập trung chất thải rắn sinh hoạt của cơ sở và hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình Đô thị định kỳ thu gom, xử lý.

- Đặt bảng cấm xả rác, thường xuyên nhắc nhở để công nhân ý thức bỏ rác vào thùng, không vứt rác bừa bãi gây mất vệ mỹ quan cơ sở và khó thu gom.

b. Chất thải rắn sản xuất

*** Nguồn phát sinh:**

- Chất thải rắn được loại ra từ quá trình nhập liệu như bọc, bao gói nhựa, gỗ cây... ước tính khoảng 10 kg/tháng

- Chất thải từ bao bì bị hư hỏng, kim loại từ bảo trì thiết bị...khoảng 5kg/tháng

- Sĩ than từ hoạt động của lò sấy ước tính phát sinh khoảng 10% so với nguyên liệu sử dụng thì lượng tro phát sinh khoảng 30 kg/ngày.

* **Biện pháp xử lý:** Chủ cơ sở bố trí nhân viên thu gom và lưu trữ tại khu vực tập kết, các chất thải có khả năng tái sử dụng thì định kỳ hàng tuần bán cho đơn vị thu gom tái chế, tái sử dụng; xỉ tro thu gom để làm nguyên liệu sản xuất và chất thải không tái chế, tái sử dụng sẽ được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt và hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình Đô thị định kỳ thu gom, xử lý hàng ngày.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom, lưu chứa, riêng biệt vào khu vực chứa chất thải nguy hại, diện tích 12 m². Xây tường, sàn lót gạch, có mái che kín nằng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, dán nhãn cảnh báo, với từng loại CTNH được lưu giữ. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, quản lý và xử lý đúng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bảng 3.1. Bảng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

STT	Các loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng (năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	kg	5
2	Pin, ắc quy thải, mực in	kg	10
3	Bón đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	kg	5
4	Nhớt thải	kg	80

(Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Bioway Hitech, 2023)

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung động:

Để giảm thiểu các tác động của tiếng ồn đến môi trường làm việc của cán bộ công nhân viên, đặc biệt là công nhân làm việc trực tiếp tại phân xưởng sản xuất, cơ sở sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe bên trong khu vực cơ sở;
- Xây dựng và bố trí nhà xưởng thông thoáng; kho chứa nguyên liệu đảm bảo kín xung quanh.

- Hạn chế bóp còi xe trong khuôn viên cơ sở.
- Tránh vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm vào các giờ cao điểm.

*** Đối với máy móc phát sinh tiếng ồn thực hiện các biện pháp phòng chống như sau:**

- Lắp đặt máy móc đúng quy cách;
- Các máy móc, thiết bị phát sinh ồn đều được đặt trên đệm cao su và lò xo giảm chấn để giảm tiếng ồn và độ rung;
- Đặt máy móc nơi có nền bằng phẳng. Cách ly hợp lý các nguồn phát sinh tiếng ồn ra các vị trí riêng biệt thông qua bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh khả năng cộng hưởng mức ồn do nhiều máy móc hoạt động cùng lúc;
- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng các máy móc, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị mài mòn;
- Lắp đặt dây chuyền công nghệ sản xuất hiện đại, tự động để giảm số lượng nhân viên làm việc trực tiếp.

*** Các biện pháp hạn chế tiếng ồn, rung cho công nhân:**

- Công nhân sẽ được trang bị đầy đủ các phương tiện tránh ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động, đặc biệt tại những vị trí làm việc có mức ồn cao;
- Bố trí chế độ làm việc, nghỉ ngơi hợp lý cho các công nhân trực tiếp làm việc trong các khu vực có tiếng ồn lớn và rung động, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các công nhân;
- Thường xuyên kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của công nhân, tránh trường hợp có phương tiện bảo hộ lao động mà không sử dụng.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

Cháy nổ có thể xảy ra với bất kỳ hoạt động nào tại cơ sở để phòng tránh sự cố cháy nổ, sẽ tiến hành thực hiện một số biện pháp sau:

- Cơ sở có hệ thống PCCC đã được cơ quan Phòng Cảnh sát PCCC thẩm duyệt, đưa vào hoạt động.
- Công trình xây dựng và các hạng mục kỹ thuật chống sét theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan quản lý chức năng.
- Đường nội bộ đến được tất cả các vị trí nhỏ nhất trong từng khu vực đảm bảo tia nước phun từ vòi rồng của xe cứu hỏa có thể không chế được lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong các kho. Kho cũng được bố trí cửa thông gió và tường cách ly để tránh tình trạng cháy lan theo tường hoặc theo mái.
- Trong khu vực sản xuất, kho chứa nhiên liệu, sản phẩm được lắp đặt hệ

thông báo cháy. Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và tình trạng sẵn sàng.

- Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo theo hệ thống sản xuất liên tục một chiều và đảm bảo khoảng cách an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng kho và các thiết bị, cơ sở không sử dụng hóa chất trong sản xuất; không lưu trữ, bảo quản hóa chất trong kho. Đảm bảo tuân thủ khoảng cách an toàn theo đúng qui định của pháp luật.

- Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ quá tải. Dây điện thiết kế đi ngầm hoặc được bao bọc bảo vệ kỹ trong hệ thống.

- Các motor điện đều phải có hộp che chắn bảo vệ, bảo đảm không cho bụi, giấy rơi vào.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường dây điện, hộp cầu dao phải kín, cầu dao tiếp điện tốt.

- Lắp đặt hệ thống chống sét đánh thẳng.

- Qui định cấm công nhân hút thuốc lá trong khu vực sản xuất, kho chứa nhiên liệu và các khu vực khác.

- Tất cả các hạng mục công trình trong cơ sở đều được bố trí các vật liệu cứu hỏa, bao gồm bình CO₂, dụng cụ dập lửa và các vật liệu khác như cát, thang chữa cháy. Những vật liệu này được đặt tại các vị trí thích hợp nhất để tiện việc sử dụng và thường xuyên tiến hành kiểm tra sự hoạt động tốt của bình CO₂.

- Đảm bảo các trang thiết bị, máy móc không để rò rỉ dầu mỡ.

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho công nhân viên về PCCC. Hàng năm phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức huấn luyện cho toàn thể cán bộ công nhân viên về PCCC. Hàng năm, đơn vị đều tổ chức thực tập phương án PCCC&CNCH đã được phê duyệt theo đúng quy định của cơ quan chức năng.

b. Đảm bảo an toàn lao động, giao thông

*** Chủ cơ sở sẽ triển khai cho tất cả nhân viên về nội dung quy tắc an toàn như sau:**

- Công nhân mới trước khi vào công đoạn sản xuất bắt buộc phải qua đào tạo qua lớp sản xuất an toàn, quy trình vận hành máy, sau khi kiểm tra đủ tiêu chuẩn thì mới có thể thao tác độc lập.

- Mỗi tháng tổ chức kiểm tra ít nhất 1 lần kiến thức an toàn và sản xuất an toàn đối với công nhân.

- Khi đi làm phải mặc quần áo lao động, đeo đội đầy đủ các dụng cụ an toàn, không được đi dép lê khi đi làm, không được để cho trẻ con vào cơ sở. Định kỳ hàng tháng thay bảo hộ lao động cho công nhân.

- Tất cả động cơ trong cơ sở cần phải nối đường dây tiếp đất.

- Nghiêm chỉnh tuân theo quy trình thao tác để tiến hành thao tác, dựa theo trình tự mở dừng máy để tiến hành mở máy và dừng máy.

- Làm tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị, luôn giữ cho thiết bị tại nơi làm việc luôn được gọn gàng sạch sẽ.

*** Lập các bảng nội quy, quy định thực hiện công việc trong phân xưởng**

Để bảo vệ sức khỏe công nhân, bảo đảm chất lượng sản phẩm cũng như sự an toàn trong sản xuất. Chủ cơ sở sẽ đề ra nội qui hoạt động chi tiết cho từng bộ phận trong nhà xưởng. Từng thao tác, công việc của từng vị trí trong dây chuyền sản xuất được qui định và bắt buộc tuân thủ, cụ thể.

*** Kho chứa nguyên liệu và sản phẩm:**

Phân công cán bộ quản lý kho có chuyên môn và được trang bị những kiến thức, những qui định về hệ thống kho lưu trữ đối với phân bón như:

- Kỹ thuật xếp hàng hóa, nhập kho và xuất kho;

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy, biển hiệu cấm;

- Kiểm tra số lượng hàng trong kho.

- Quản lý và lưu trữ thông tin về thành phần số lượng nhập nguyên liệu, vi sinh và sản phẩm xuất bán.

*** Bộ phận công nhân xưởng:**

- Tuyển chọn công nhân nằm trong độ tuổi lao động qui định theo Luật lao động, ưu tiên chọn công nhân nam;

- Công nhân sẽ được huấn luyện về mặt chuyên môn, về nguyên tắc an toàn hóa chất, an toàn lao động.

- Công nhân nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật lao động, thao tác kỹ thuật, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước mọi sự cố xảy ra;

- Quản đốc phân xưởng phân công công việc cho công nhân trên bảng phân công, ghi rõ ràng công việc cụ thể cho từng người;

*** Trang bị các thiết bị bảo hộ lao động:**

Chủ cơ sở sẽ đầu tư trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cho từng công nhân cũng như các thiết bị an toàn khác như: kính phòng hộ, khẩu trang, găng tay, ủng, áo ... Định kỳ hàng tháng kiểm tra và thay thế các thiết bị, bảo hộ lao động cho công nhân.

Chủ cơ sở lắp đặt buồng đốt bảo ôn cách nhiệt giảm thiểu lượng nhiệt của lò sấy.

*** Các biện pháp bồi dưỡng sức khỏe, chăm sóc y tế:**

Nhằm giữ gìn sức khỏe công nhân, bên cạnh các quy định chặt chẽ về an toàn lao động, cần thực hiện các biện pháp chăm sóc y tế như sau:

- Thời gian làm việc hợp lý và đảm bảo theo quy định;
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 06 tháng 01 lần cho toàn bộ công nhân nhằm phát hiện các bệnh nghề nghiệp.
- Trang bị vòi rửa mắt nhằm xử lý các sự cố xảy ra,

*** Giảm thiểu tai nạn giao thông**

Để giảm thiểu tai nạn giao thông trong khu vực cơ sở, chủ cơ sở xây dựng nội quy ra vào cổng, đảm bảo công tác điều tiết xe vận chuyển hợp lý.

c. Đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, ngăn ngừa sự cố do dây chuyền sản xuất bị hỏng

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ để đảm bảo hoạt động ổn định và liên tục;

Khi có sự cố về thiết bị, dây chuyền sản xuất phải khắc phục nhanh chóng, kịp thời; thông báo cho đơn vị cung cấp nguyên liệu như phân gà, vỏ đầu tôm, ngưng nhập các nguyên liệu về cơ sở; các nguyên liệu còn tồn đọng tại cơ sở sẽ có phương án tăng cường phun khử mùi triệt để đảm bảo điều kiện môi trường tại cơ sở và khu vực xung quanh không bị ô nhiễm.

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có)

Ngoài các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu trên cơ sở không thực hiện các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác.

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có)

Tại thời điểm thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cơ sở vẫn chưa đi vào hoạt động do đó lượng nước thải ước tính phát sinh tại cơ sở chỉ mang tính chất tương đối. Hiện tại, lượng nước thải phát sinh tại cơ sở giảm còn 11,1 m³/ngày.đêm so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường trước đó (13,9 m³/ngày.đêm). Cụ thể lượng nước thải phát sinh ở các công đoạn như sau:

Bảng 3.2. Khối lượng nước thải phát sinh tại thời điểm cao điểm tại cơ sở của Giấy phép môi trường so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Nguồn phát sinh nước thải	Báo cáo Đánh giá tác động môi trường	Giấy phép môi trường
Nước thải sinh hoạt			
1	Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân	7,9 m ³ /ngày	6,3 m ³ /ngày
Nước thải sản xuất			
1	Nước thải từ hoạt động sản xuất	6 m ³ /ngày	4,8 m ³ /ngày

STT	Nguồn phát sinh nước thải	Báo cáo Đánh giá tác động môi trường	Giấy phép môi trường
	Tổng cộng	13,9 m³/ngày	11,1 m³/ngày

(Nguồn: Công ty cổ phần phân bón Bioway Hitech, 2023)

Lượng nước thải phát sinh được Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp thu gom xử lý theo như văn bản thỏa thuận với cơ sở.

Nội dung thay đổi so với Quyết định số Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 04/12/2017 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech” cụ thể như sau:

TT	Nội dung trong báo cáo ĐTM		Nội dung điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện
1	Bùn bã mía (đã ủ và xử lý vi sinh)	7.672 tấn/năm	2.672 tấn/năm
2	Phân gà (đã ủ và xử lý vi sinh)	5.000 tấn/năm	14.000 tấn/năm
3	Phụ phẩm thủy sản	9.000 tấn/năm	5.000 tấn/năm
4	Diện tích cơ sở	22.455,2 m ²	15.418 m ²

9. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi thường đa dạng sinh học (nếu có)

Nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech không nằm trong đối tượng phải thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi thường đa dạng sinh học như các loại hình cơ sở khai thác khoáng sản, cơ sở chôn lấp chất thải, cơ sở có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học. Do đó, báo cáo không thực hiện đánh giá nội dung này.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nước thải từ hoạt động sản xuất;

+ Nước thải từ sinh hoạt;

+ Nước thải từ quá trình tiếp nhận nguyên liệu và rửa xe chở nguyên liệu.

- Vị trí, toạ độ điểm xả thải:

- Tại hố ga B20 trên dãy cây xanh dọc kênh thẽ 25 được đầu nối với Khu công nghiệp An Nghiệp, Lô M, đường D2, KCN An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Tọa độ: Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105°30' múi chiều 6°): X = 1037288; Y = 507492.

- Lưu lượng xả nước thải:

+ Lưu lượng nước thải sinh hoạt khoảng 6,3 m³/ngày.

+ Lưu lượng nước thải sản xuất khoảng 4,8 m³/ngày.

- Phương thức và chế độ xả thải: Nước thải tại điểm đầu nối của cơ sở sẽ được đưa về hệ thống thu gom nước thải của KCN An Nghiệp bằng hình thức tự chảy.

Chủ cơ sở thực hiện hợp đồng đầu nối với Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp và thông qua hàm lượng COD để làm cơ sở tính phí xả thải trong tháng.

Nước thải của cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp. Do đó, nước thải phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải thô đầu vào của Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp theo hợp đồng như sau:

+ Nước thải không chứa thành phần chất thải nguy hại vượt ngưỡng cho phép theo QCVN 50:2013/BTNMT.

+ SS < 250 mg/l.

+ Dầu mỡ < 200 mg/l.

+ Lưới chắn rác: 3mm

+ Nitơ < 100 mg/l.

+ Photpho < 60 mg/l.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh: Khí thải phát sinh từ hoạt động đốt than đá cung cấp nhiệt cho lò sấy. Khí thải lò than chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, CO₂ và NO_x do thành phần hóa học có trong than kết hợp với oxy trong quá trình cháy tạo nên.

- Vị trí quan trắc: Ống khói lò sấy.

- Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 6⁰): X = 1037288; Y = 507491.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 0,33 m³/ngày

- Khí thải từ lò đốt than đá với nhiệt độ cao được sục qua bể nước để giảm nhiệt độ sau đó được thải ra ngoài qua ống thoát khí thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh tại cơ sở nguồn khí thải phát sinh bao gồm các chất ô nhiễm như: bụi, CO₂, CO, SO₂ và NO_x và giá trị giới hạn của các chất được quy định tại QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Bảng 4.1: Giới hạn tối đa cho phép về các thông số khí thải

STT	Chất ô nhiễm	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
1	Bụi	200
2	SO _x	500
3	NO _x	850
4	CO	1000

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh: Từ các phương tiện lưu thông tại cơ sở (xe công nhân viên, xe chở hàng hoá vào kho,...); tiếng ồn từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, máy bơm nước,...

- Vị trí: Khu vực sản xuất của cơ sở.

- Tọa độ phát sinh tiếng ồn, độ rung (hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiều 6⁰): X = 1037879; Y = 590009.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

**Bảng 4.2. Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn
(theo mức âm tương đương), dBA**

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 4.3. Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường

* **Chất thải sinh hoạt:**

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình sinh hoạt của công nhân tại cơ sở.
- Khối lượng phát sinh: khoảng 63 kg/ngày
- Biện pháp xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được chủ cơ sở trang bị 06 thùng chứa rác có nắp đậy (thể tích 250 lít/thùng) để chứa chất thải. Đồng thời, chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại địa phương để xử lý lượng rác phát sinh từ sinh hoạt của công - nhân viên làm việc tại cơ sở, với tần suất thu gom, xử lý là hàng ngày.

* **Chất thải rắn sản xuất:**

- Nguồn phát sinh: Chất thải rắn được loại ra từ quá trình nhập liệu như bọc, bao gói nhựa, gỗ cây, bao bì bị hư hỏng, kim loại từ bảo trì, xỉ than từ hoạt động của lò sấy.
- Khối lượng chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất:
- Chất thải rắn được loại ra từ quá trình nhập liệu như bọc, bao gói nhựa, gỗ cây...ước tính khoảng 10 kg/tháng.
- Chất thải từ bao bì bị hư hỏng, kim loại từ bảo trì thiết bị...khoảng 5 kg/tháng.
- Sỉ than từ hoạt động của lò sấy ước tính phát sinh khoảng 10% so với nguyên liệu sử dụng thì lượng tro phát sinh khoảng 15 kg/ngày.
- Biện pháp xử lý: Chủ cơ sở bố trí nhân viên thu gom và lưu trữ tại khu vực tập kết, các chất thải có khả năng tái sử dụng thì định kỳ hàng tuần bán cho

đơn vị thu gom tái chế, tái sử dụng; xỉ tro thu gom để làm nguyên liệu sản xuất và chất thải không tái chế, tái sử dụng sẽ được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt và hợp đồng với Công ty Cổ phần Công trình Đô thị định kỳ thu gom, xử lý hàng ngày.

5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn nguy hại

- Nguồn phát sinh: Từ quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở.
- Thành phần và số lượng chất thải nguy hại phát sinh được trình bày cụ thể như sau:

Bảng 4.4. Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5
2	Pin, ắc quy thải, mực in	16 01 12	10
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	5
4	Nhớt thải	16 01 07	80

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Bioway Hitech, 2023)

- Biện pháp xử lý:

Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom, lưu chứa, riêng biệt vào khu vực chứa chất thải nguy hại, diện tích 12 m². Xây tường, sàn lót gạch, có mái che kín nằng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH, dán nhãn cảnh báo, với từng loại CTNH được lưu giữ. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, quản lý và xử lý đúng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

Do năm 2021 dịch covid nên cơ sở tạm ngừng hoạt động và năm 2022 cơ sở trong giai đoạn sửa chữa nên cơ sở không thực hiện quan trắc bụi, khí thải. Đến năm 2023, cơ sở hoạt động trở lại nên cơ sở đã thực hiện quan trắc bụi, khí thải, kết quả quan trắc được thể hiện cụ thể tại bảng sau

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả 06/2023	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	42,7	200
2	CO	mg/Nm ³	107,54	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	≤ 2,62	500
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	23,19	850
5	NH ₃	mg/Nm ³	0,45	50
6	H ₂ S	mg/Nm ³	0,29	7,5

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Bioway Hitech, 2023)

Qua kết quả được trình bày trong bảng trên cho thấy hầu hết các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Cơ sở Cổ phần Phân bón Bioway thực hiện hợp đồng đầu nối với Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp và thông qua nồng độ COD để làm cơ sở tính phí xả thải trong tháng. Do đó, cơ sở không thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải và chỉ quan trắc chỉ tiêu COD để tính phí xử lý nước thải theo hợp đồng. Kết quả thông số COD trong nước thải thô trước khi đưa đến Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp được tổng hợp tại bảng sau.

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải sinh hoạt giai đoạn năm 2022-2023

Đơn vị: mg/L

STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả năm 2022		Kết quả năm 2023	
		Đợt I	Đợt II	Đợt I	Đợt II
1	COD	130	115	247	350

(Nguồn: Công ty Cổ phần phân bón Bioway Hitech, 2023)

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

Hiện tại cơ sở chỉ bố trí công trình xử lý nước thải tại chỗ (Bể tự hoại) nên theo Khoản d, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ, công trình xử lý chất thải của cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

Hệ thống lò sấy với nguyên liệu than đá nên theo Khoản c, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ, công trình xử lý chất thải của cơ sở không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật:

* **Nước thải:** Thực hiện đấu nối hệ thống thoát nước thải của cơ sở với hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp An Nghiệp. Do đó, tại cơ sở không thực hiện quan trắc nước thải.

* **Bụi, khí thải:** Cơ sở kinh doanh loại hình phối trộn không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục và quan trắc định kỳ được quy định tại phụ lục XXIX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ.

Tuy nhiên, để môi trường không khí xung quanh trong khu vực được đảm bảo và kịp thời theo dõi, cải thiện tình trạng không khí trong khu vực cơ sở. Chủ cơ sở sẽ thực hiện quan trắc định kỳ đối với khí thải lò sấy (lò đốt than đá).

- Thông số quan trắc: Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x.
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN19:2009/BTNMT – Khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

* **Chất thải rắn thông thường:** Thống kê khối lượng của từng loại chất thải rắn thông thường.

- + Tần suất giám sát: Hàng ngày.

* **Chất thải nguy hại:** Thống kê khối lượng, phân loại, dán nhãn của từng loại CTNH phát sinh và báo cáo 1 năm/lần về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng theo quy định.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc hàng năm:

Tổng kinh phí: 62.000.000 đồng/năm

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động Cơ sở thực hiện đúng, đầy đủ các quy trình về pháp luật bảo vệ môi trường và chưa có hoạt động thanh tra, kiểm tra từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với Cơ sở.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech cam kết thực hiện những nội dung sau để hoạt động của cơ sở được hiệu quả và hạn chế những tác động xấu đến môi trường:

- Đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình hoạt động sản xuất;
- Cam kết thực hiện chương trình giám sát môi trường hàng năm để có kế hoạch xử lý kịp thời các sự cố xảy ra;
- Cam kết thực hiện đầy đủ, hoàn thiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường;
- Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy trình về pháp luật bảo vệ môi trường, các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam hiện hành về xử lý chất thải phát sinh trong sản xuất;
- Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra trong quá trình hoạt động cơ sở.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2200645182

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 05 năm 2012

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 10 tháng 08 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIOWAY HITECH FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô Q1 đường N1 Khu Công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại: 0913922792

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HUỖNH THANH LIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 365326504

Ngày cấp: 13/08/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Sóc Trăng

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Phụng An, Xã An Mỹ, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Ấp Phụng An, Xã An Mỹ, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Lương Hồng Đào

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất
phân bón Bioway Hitech

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN
BIOWAY HITECH**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản

lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần phân bón Bioway Hitech;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech.

2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần phân bón Bioway Hitech.

3. Mục tiêu của dự án:

- Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech với công suất sau mở rộng là 30.000 tấn/năm đáp ứng nhu cầu thị trường về phân bón hữu cơ trong nước và xuất khẩu.

- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động tại địa phương.

- Đóng góp vào ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Quy mô đầu tư xây dựng mở rộng:

Tổng diện tích mở rộng là 7.037,2 m²; bao gồm các hạng mục công trình xây dựng mới

5. Loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, cấp IV.

6. Tổng mức đầu tư của dự án: Tổng vốn đầu tư của dự án mở rộng là 23.983.625.256 đồng, cụ thể như sau:

- Chi phí xây dựng và sang lấp mặt bằng: 10.603.025.256 đồng;

- Chi phí thiết bị: 13.030.600.000 đồng;

- Chi phí tư vấn xây dựng: 150.000.000 đồng

- Chi phí khác: 200.000.000 đồng.



[Handwritten signature]

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của công ty và vốn vay tín dụng ngắn hạn.
8. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án.
9. Thời gian thực hiện dự án:
 - Hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục triển khai dự án: 11/2016 – 3/2017.
 - Triển khai xây dựng: tháng 3/2017
 - Lắp đặt thiết bị và vận hành thử nghiệm: tháng 3/2017
 - Hoạt động chính thức: tháng 4/2017.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám đốc công ty và các phòng có liên quan thuộc công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Lưu Hữu Nghĩa



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**
Số: 588/QĐHC-CTUBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư
xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh của Công ty Cổ phần Bioway Hitech tại Biên bản số 09/BB.HĐTĐ họp ngày 03/5/2013 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản giải trình số 05/CV.2013 ngày 31/5/2013 và số 09/CV.2013 ngày 13/6/2013 của Công ty Cổ phần Bioway Hitech;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 640/TTr-STNMT ngày 19/6/2013),

QUYẾT ĐỊNH:

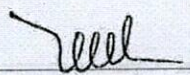
Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh được lập bởi Công ty Cổ phần Bioway Hitech với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô Dự án

1.1. Vị trí: Dự án thực hiện tại Lô Q1 và C1, Khu công nghiệp An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Quy mô xây dựng: 27.095,8 m².

1.3. Tổng vốn đầu tư: 57.327.531.180 đồng.



1.4. Công suất: Sản xuất phân hữu cơ vi sinh với công suất 20.000 tấn/năm.

1.5. Tiến độ thực hiện: Qua 02 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ tháng 02/2013 đến tháng 5/2013.

- Giai đoạn 2: Từ tháng 12/2013 đến tháng 8/2014.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án

2.1 Thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại, nước thải, khí thải theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2 Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, chương trình giám sát môi trường đúng theo nội dung báo cáo được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước chức năng.

Điều 2. Công ty Cổ phần Bioway Hitech có trách nhiệm:

1. Lập, phê duyệt và gửi Ban Quản lý các Khu công nghiệp kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện Dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, nếu Dự án có những thay đổi so với Điều 1 Quyết định này, Công ty Cổ phần Bioway Hitech phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 4. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư Dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cty Cổ phần Bioway Hitech;
- Sở TN&MT;
- BQL các KCN tỉnh ST;
- Lưu: HC, KT.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

20/08/2013

[Handwritten signature]

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech”**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 18/CV.2017 ngày 31/10/2017 của Công ty Cổ phần phân bón Bioway Hitech;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 2176/TTr-STNMT ngày 10/11/2017),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech” được lập bởi Công ty Cổ phần phân bón Bioway Hitech với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô/công suất, tiến độ thực hiện dự án

1.1. Địa điểm thực hiện: Lô Q và Q1, đường N1, Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Quy mô và tiến độ thực hiện

a) Quy mô:

- Diện tích đất thực hiện dự án: 22.455,2 m².

- Tổng công suất sản xuất (bao gồm đầu tư mở rộng): 30.000 tấn sản phẩm/năm (gồm các sản phẩm: Phân bón hữu cơ khoáng, phân bón hữu cơ, phân bón hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học).

b) Tổng vốn đầu tư: Khoảng 72.327.000.000 đồng.

c) Tiến độ thực hiện:

- Chuẩn bị các thủ tục đầu tư mở rộng dự án: Từ tháng 6/2016 - 7/2017.
- Thi công xây dựng và đi vào hoạt động: Từ tháng 8/2017 - 12/2017.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

a) Thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, chương trình giám sát môi trường đúng theo nội dung báo cáo được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ với cơ quan nhà nước chức năng.

Điều 2. Công ty Cổ phần phân bón Bioway Hitech có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện theo Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Công ty Cổ phần phân bón Bioway Hitech phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

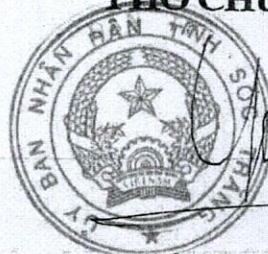
Điều 4. Ủy nhiệm Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2974/QĐ-UBND ngày 23/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech”./.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Cty CP Phân bón Bioway Hitech;
- Sở TN&MT;
- Ban Quản lý các KCN;
- UBND huyện CT;
- UBND xã An Hiệp (huyện CT);
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Hiếu

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cho Công ty Cổ phần Bioway Hitech thuê 15.418 m² đất
trong Khu Công nghiệp An Nghiệp để thực hiện dự án đầu tư
xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng (Công văn số 88/BQL-ĐTDN ngày 26/3/2013),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần Bioway Hitech thuê 15.418 m² (mười lăm nghìn, bốn trăm mười tám mét vuông) đất tại lô Q1, Khu công nghiệp An Nghiệp, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh, với thời hạn và giá cho thuê đất như sau:

- Thời hạn cho thuê đất: 49 năm.

- Giá cho thuê đất: Thực hiện theo Quyết định số 03/2007/QĐ-UBND ngày 19/01/2007 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành giá cho thuê đất và mức thu tiền sử dụng cơ sở hạ tầng trong Khu công nghiệp An Nghiệp, tỉnh Sóc Trăng và được điều chỉnh khi Nhà nước thay đổi giá đất.

Điều 2.

1. Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp có trách nhiệm phối hợp các cơ quan chức năng tiến hành giao đất, ký hợp đồng cho thuê đất và lập hồ sơ, thủ tục chuyển Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Bioway Hitech theo quy định hiện hành.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Bioway Hitech theo quy định hiện hành.

3. Công ty Cổ phần Bioway Hitech có trách nhiệm quản lý, sử dụng đất theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Giám đốc Công ty Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp, tỉnh Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Bioway Hitech căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chi Cục Thuế TP/STAN HIỆP, ngày.../.../2013...
- Lưu: HC, KT.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
SỐ CT. 3259. QUYẾT. Q1.....TP/CT



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
HỒ CHỮ TỊCH



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG
Số: 2541/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sóc Trăng, ngày 20 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech thuê 7.037,2 m² đất trong Khu công nghiệp An Nghiệp để thực hiện dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 113/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 13/10/2016),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech thuê 7.037,2 m² đất thuộc thửa số 2646, tờ bản đồ số 07; tọa lạc tại Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech, với loại đất, thời hạn, hình thức thuê đất và giá đất, tiền thuê đất phải nộp như sau:

1. Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).
2. Thời hạn cho thuê đất: 49 năm.
3. Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.
4. Giá đất, tiền thuê đất phải nộp: Áp dụng theo quy định hiện hành.
(Kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:
 - a) Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức bàn giao đất trên thực địa, ký hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech.

b) Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech sau khi doanh nghiệp hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

c) Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức chỉnh lý hồ sơ địa chính.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thu tiền thuê đất đối với Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT. *lgy*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiến

leel

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi 7.037,2 m² đất đã cho Công ty Cổ phần Phân bón
Bioway Hitech thuê trong Khu công nghiệp An Nghiệp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 77/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 06/8/2018),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 7.037,2 m² đất thuộc thửa đất số 2646, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, đã cho Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech thuê để thực hiện dự án đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất phân bón Bioway Hitech tại Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Lý do: Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech tự nguyện trả lại đất (thuộc trường hợp thu hồi đất theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai).

(Kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp Ban Quản lý các Khu công nghiệp triển khai Quyết định này cho Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech.

2. Ban Quản lý các Khu công nghiệp có trách nhiệm quản lý chặt chẽ diện tích đất thu hồi của Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Trưởng Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. /*sgk*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT /*sgk*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



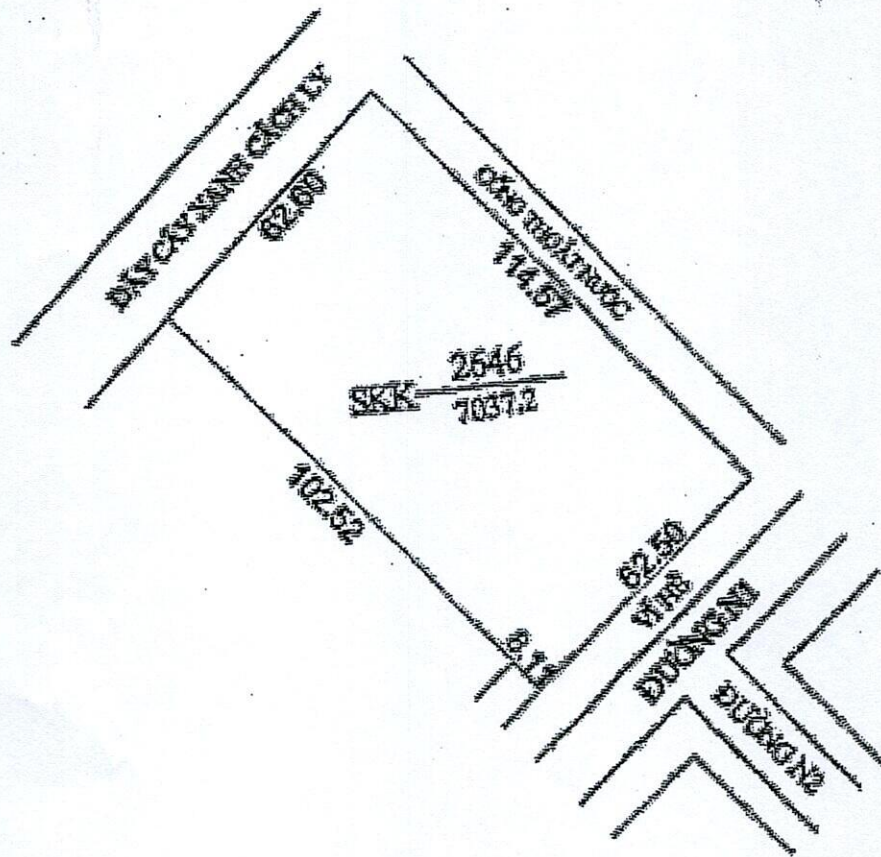
Lê Văn Hiến



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 2646, tờ bản đồ số 07, diện tích 7.037,2m²
Tọa lạc tại Khu công nghiệp An Nghiệp, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh
Sóc Trăng.



Căn vẽ theo Phiếu xác nhận kết
quả đo đạc hiện trạng thửa đất
do Văn phòng Đăng ký đất đai
tỉnh Sóc Trăng lập ngày
13/9/2016.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 04 năm 2016

BIÊN BẢN
XÁC NHẬN VỊ TRÍ ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI

1. Đối tượng xác nhận: Xác nhận vị trí đầu nối nước thải của doanh nghiệp đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung khu công nghiệp An Nghiệp, tỉnh Sóc Trăng.

2. Thành phần trực tiếp xác nhận:

a) Đại diện Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp:

Ông: Hà Thế Vũ

Chức vụ: Giám Đốc

Ông: Trần Nguyễn Lạc Hồ

Chức vụ: Trưởng trạm XLNT

b) Đại diện Công ty CP Phân Bón BOWAY HITECH:

Ông: Lê Thị Cẩm Tiên..... Chức vụ: Tổng Giám Đốc.....

3. Nội dung xác nhận vị trí đầu nối thoát nước thải: Có 01 điểm đầu nối

a. Vị trí hố ga đầu nối: Hố ga B20 trên dãy cây xanh dọc kênh thê 25 của hệ thống thu gom nước thải tập trung khu công nghiệp An Nghiệp.

b. Cấu tạo hố ga đầu nối:

- Vật liệu : BTCT
- Kích thước : 1,2m x 1,2m
- Nắp dal : BTCT 02 nắp

c. Cấu tạo cống đầu nối:

- Vật liệu : Ống nhựa PVC
- Đường kính : 200m
- Chiều sâu đáy cống : 2 m

Biên bản được lập thành 02 bản, doanh nghiệp giữ 01 bản, Công ty TNHH Dịch vụ môi trường An Nghiệp giữ 01 bản với sự thống nhất của 02 bên để làm cơ sở kiểm tra việc thoát nước về sau.

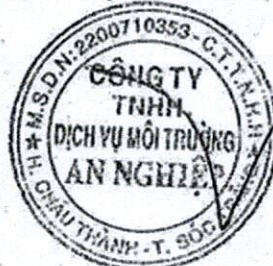
Đ/D Cty CP Phân Bón BOWAY HITECH

Đ/D Cty TNHH DVMT An Nghiệp



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Thị Cẩm Tiên



Hà Thế Vũ

[Handwritten signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 5 năm 2014

BIÊN BẢN
XÁC NHẬN VỊ TRÍ ĐẦU NỐI NƯỚC MƯA

1. Đối tượng xác nhận: xác nhận vị trí đầu nối nước mưa của doanh nghiệp đầu nối vào hệ thống thu gom nước mưa của khu công nghiệp An Nghiệp, tỉnh Sóc Trăng.

2. Thành phần trực tiếp xác nhận:

a) Đ/D Công ty Phát triển Hạ tầng KCN Sóc Trăng:

Ông: Triệu Quốc Tuấn

Chức vụ: P. Giám đốc.

Ông: Trần Nguyễn Lạc Hồ

Chức vụ: PT. P KS&XL MT

Ông: Trần Quang Đạt

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

b) Đ/D Công ty Cổ phần Bioway Hitech:

Ông: Dương Thái Hoàng

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Phạm Hồng Sơn

Chức vụ: Quản đốc

3. Nội dung xác nhận đầu nối nước mưa: Có 01 điểm đầu nối

Điểm đầu nối	Vị trí hố ga đầu nối	Vật liệu đầu nối	Đường kính cống (mm)	Độ sâu đáy cống (m)
01	T5 (Đường N1)	BTCT	600	1.0

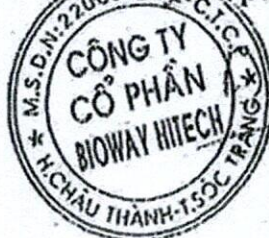
Biên bản xác nhận vị trí đầu nối nước mưa kết thúc lúc 10 h giờ cùng ngày.

Đ/D Công ty Phát triển hạ tầng KCN ST



Triệu Quốc Tuấn

Đ/D Công ty Cổ phần Bioway Hitech



Dương Thái Hoàng

Handwritten signature at the bottom right of the page.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: *22.07*.../2023/HĐ-TĐX

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech.

Hôm nay, ngày 20 tháng 07 năm 2023, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH

Địa chỉ : Lô Q1, đường N1, KCN An Nghiệp, An Hiệp, Châu Thành, Sóc Trăng.

Điện thoại : 02993 616 838

Fax:

Mã số thuế : 2200645182

Đại diện : Ông Phan Phước Thọ

Chức vụ: Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Điện thoại : 0272.3758858

Fax: 0272.3758828

Mã số thuế : 1101404258

Số tài khoản : 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM

Đại diện : Ông Đỗ Huy Lực

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech.

1.2 Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh, tại địa chỉ: Lô 04HG-1, đường Dọc Kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

1.3 Hợp đồng có thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày 20 tháng 07 năm 2023 đến ngày 20 tháng 07 năm 2024.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng

2.1.1 Số lượng chất thải phụ thuộc vào quá trình phát sinh chất thải nguy hại (CTNH) của Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech đang lưu giữ tại kho.

2.1.2 Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

1. Đơn giá xử lý

- Lượng chất thải sẽ được thu gom **01 lần/năm**;
- Chi phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như sau:
- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao của **1 (một) năm ≤ 150 kg** thì chi phí vận chuyển, xử lý với giá khoán là: **8.000.000 VNĐ (Tám triệu đồng)**;
- Nếu khối lượng chất thải bàn giao của **01 (một) năm > 150 kg**, thì chi phí tính thêm là:

$$= [(T\text{ổng khối lượng chất thải} - 150 \text{ kg}) \times 20.000\text{đ/kg}] + 8.000.000 \text{ VNĐ}$$

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT;
- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogram;
- Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH được Bộ TNMT cấp phép.

2.2 Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ

Danh mục các mã chất thải và điều kiện lưu giữ: Căn cứ theo sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại của Bên A được cấp.

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ	18 02 01	Rắn

	thải bị nhiễm các thành phần nguy hại		
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng
5	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	Rắn/lỏng
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM, THỜI GIAN THU GOM DỰ KIẾN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Địa điểm thu gom

3.1.1 Địa điểm thu gom chất thải của Công ty Cổ phần Phân bón Bioway Hitech tại Lô Q1, đường N1, KCN An Nghiệp, An Hiệp, Châu Thành, Sóc Trăng.

3.1.2 Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại.

3.2 Phương thức thanh toán

3.2.1 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên B theo hình thức chuyển khoản.

3.2.2 Thời hạn thanh toán: :

- **Đợt 1:** Bên A thanh toán cho Bên B 50% giá trị hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản cho Bên B ngay sau khi hai bên ký kết hợp đồng;
- **Đợt 2:** Sau khi thu gom, trong vòng 15 ngày kể từ khi Bên A nhận được hóa đơn tài chính và chứng từ CTNH theo phụ lục 3 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT đã được ký tên và đóng dấu, Bên A sẽ thanh toán 50% giá trị hợp đồng còn lại và chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên B.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

4.1.1 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.

4.1.2 Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên A phải bàn giao 01 bộ “Chứng từ chất thải nguy hại” gồm 04 liên theo phụ lục 03 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và đã được Bên A ký tên, đóng dấu ở mục 06 và giao cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

4.1.3 Nếu Bên A không phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và không bàn giao chứng từ chất thải nguy hại trong ngày chuyển giao chất thải đúng theo quy định môi trường, thì Bên B sẽ không nhận hàng và Bên A phải chịu toàn bộ chi phí vận chuyển là 5.000.000 VNĐ (Viết bằng chữ: *Năm triệu đồng*).

4.1.4 Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng dự án.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

4.2.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.

4.2.2 Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

4.2.3 Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.2.4 Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyển và chỉ chở loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.

4.2.5 Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

4.2.6 Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.

4.2.7 Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

5.2 Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

5.3 Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

6.1 Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

6.2 Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký và kết thúc sau khi việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, thanh toán chi phí xử lý hoàn tất.

7.2 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào đó trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

7.3 Hợp đồng này gồm 07 (bảy) Điều, 05 (năm) trang và được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHAN PHƯỚC THỌ

ĐẠI DIỆN BÊN B



ĐỖ HUY LỰC



TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER

VIMCERTS
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Add: 18 Hùng Vương street,
Ward 6, Soc Trang City, Soc
Trang Province
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu
2357/23.09.173

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày trả kết quả
11/10/2023

-Tên mẫu/Sample : Nước thải – tại vị trí sau hầm tự hoại thuộc dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất Bioway hitech”
(10h35’ – Tọa độ X=1066705, Y=549463)
-Khách hàng/Client : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH
-Địa chỉ/Address : Đường N1, KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
-Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 18/09/2023
-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 18/09/2023
-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999:1995
-Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH ⁽¹⁾⁽²⁾	-	TCVN 6492:2011	7,65
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2021	2,91
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	11,5
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	39,8
5.	Dầu mỡ tổng ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B, B&F:2017	0,308
6.	Dầu, mỡ động thực vật ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
7.	Coliforms ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	3,3 x 10 ³

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD₅). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Ngọc Thúy



TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER

VIMCERTS
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Add: 18 Hung Vuong street,
Ward 6, Soc Trang City, Soc
Trang Province
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu
2358/23.09.176

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày trả kết quả
11/10/2023

-Tên mẫu/Sample : Nước thải – tại vị trí sau hầm tự hoại thuộc dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất Bioway hitech”
(10h30’ – Tọa độ X=1066705, Y=549463)
-Khách hàng/Client : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH
-Địa chỉ/Address : Đường N1, KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
-Ngày nhận mẫu/Date of receiving : 19/09/2023
- Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 19/09/2023
-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method : Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999:1995
-Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH ⁽¹⁾⁽²⁾	-	TCVN 6492:2011	7,55
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2021	3,97
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	13,3
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	42,4
5.	Dầu mỡ tổng ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B, B&F:2017	0,408
6.	Dầu, mỡ động thực vật ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	Không phát hiện (MDL = 0,3)
7.	Coliforms ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	2,2 x 10 ³

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD₅). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Ngọc Thùy



TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER

VIMCERTS
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Add: 18 Hung Vuong street,
Ward 6, Soc Trang City, Soc
Trang Province
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 2363/23.09.187	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 11/10/2023
--------------------------------	---	--------------------------------

-Tên mẫu/Sample	: Nước thải – tại vị trí sau hầm tự hoại thuộc dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất Bioway hitech” (10h40’ – Tọa độ X=1066705, Y=549463)
-Khách hàng/Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH
-Địa chỉ/Address	: Đường N1, KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
-Ngày nhận mẫu/Date of receiving	: 20/09/2023
-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution	: 20/09/2023
-Phương pháp lấy mẫu/Sampling Method	: Lấy mẫu theo yêu cầu Khách hàng; TCVN 5999:1995
-Kết quả thử nghiệm/Test result	:

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	pH ⁽¹⁾⁽²⁾	-	TCVN 6492:2011	7,70
2.	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6001-1:2021	3,64
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6625:2000	14,8
4.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	TCVN 6179-1:1996	44,6
5.	Dầu mỡ tổng ⁽¹⁾	mg/L	SMEWW 5520B, B&F:2017	0,412
6.	Dầu, mỡ động thực vật ⁽¹⁾⁽²⁾	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	0,317
7.	Coliforms ⁽¹⁾⁽²⁾	MPN/100mL	SMEWW 9221B: 2023	4,9 x 10 ³

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 636. (2) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả (ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh, BOD₅). Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Dương Ngọc Thúy



TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG SÓC TRĂNG
SOC TRANG NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
MONITORING CENTER

VIMCERTS
179



Địa chỉ: 18 Hùng Vương, P6,
Tp. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng
Add: 18 Hung Vuong street,
Ward 6, Soc Trang City, Soc
Trang Province
ĐT/Phone: (0299) 3616638;
3827819

Số/Mã số mẫu 2449/K.23.09.028	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Ngày trả kết quả 16/10/2023
----------------------------------	---	--------------------------------

-Tên mẫu/Sample : Không khí xung quanh + Tiếng ồn
-Khách hàng/Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BIOWAY HITECH**
-Địa chỉ/Address : Lô Q1, Đường N1, KCN An Nghiệp, huyện Châu Thành,
tỉnh Sóc Trăng
-Vị trí đo đạc, lấy mẫu/Sampling location : Khu vực dự án đầu tư mở rộng Nhà máy sản xuất Bioway hitech
(Tọa độ X=1066683, Y=549473)
-Thời gian đo đạc, lấy mẫu/Time of sampling : Từ 11h00' – 11h30' ngày 18/09/2023
-Ngày thực hiện phân tích/Date of execution : 18/09/2023
-Kết quả thử nghiệm/Test result :

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Phương pháp Test Method	Kết quả Test Result
1.	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 7878 – 2 : 2018	59,3
2.	Tổng bụi lơ lửng ⁽¹⁾	µg/m ³	TCVN 5067 : 1995	21,2
3.	CO ⁽¹⁾	µg/m ³	HD.PT.CO	6.587,6
4.	NO ₂ ⁽¹⁾	µg/m ³	TCVN 6137 : 2009	21,9
5.	SO ₂ ⁽¹⁾	µg/m ³	TCVN 5971 : 1995	16,3

Ghi chú:

- (1) Chỉ tiêu đã được công nhận theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP VIMCERTS 179.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm, không được sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời gian lưu mẫu.

PHỤ TRÁCH PHÒNG THÍ NGHIỆM

Lê Thúy An



Dương Ngọc Thùy



GHI CHÚ:

* TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT S = 15.418 M².

NHÀ LÂM VIỆC; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 233,54 M².

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT - KHO NGUYÊN LIỆU; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 778 M².

KHO CHỨA THÀNH PHẨM; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 778 M².

KHO NGUYÊN VẬT LIỆU; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 644 M².

HÀNH LANG GIAO THÔNG GIỮA CÁC KHO; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 678,34 M².

NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT - KHO NGUYÊN VẬT LIỆU DỰ KIẾN XÂY DỰNG SAU;

CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 2.070,12 M².

NHÀ KHO DUNG CỤ - VỆ SINH; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 33,36 M².

NHÀ Ồ TẬP THỂ CÔNG NHÂN; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 253,2 M².

NHÀ VỆ SINH CÔNG NHÂN; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 42,97 M².

TRẠM HẠ ÁP; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 19,36 M².

NHÀ XE BỒN BÁNH - HAI BÀNH; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 85,41 M².

CÔNG TƯỜNG RÀO CHÍNH - NHÀ BẢO VỆ, TRONG ĐÓ:

- CÔNG TƯỜNG RÀO CHÍNH CÓ CHIỀU DÀI L = 128,43 M.

- NHÀ BẢO VỆ; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 8,77 M².

TƯỜNG RÀO PHỤ CÓ CHIỀU DÀI L = 388,72 M.

BỜNG HỒA - THẠM CỎ - CÂY XANH; CỎ DIỆN TÍCH XÂY DỰNG S = 5.159,88 M².

ĐƯỜNG ĐÁ DẪM TRÁI NHỰA; CỎ DIỆN TÍCH S = 2206,91 M².

SÂN ĐƯỜNG BĂNG BÉ TÔNG; CỎ DIỆN TÍCH S = 936,29 M².

SÂN LỘT GẠCH MÀU K.T 300x300; CỎ DIỆN TÍCH S = 224,95 M².

ĐẤT TRỐNG; CỎ DIỆN TÍCH S = 274,34 M².

RÀNH THOÁT NƯỚC CÓ ĐẠN ĐÁY, K.T ĐẠN: RỘNG 600, DÀI 1000.

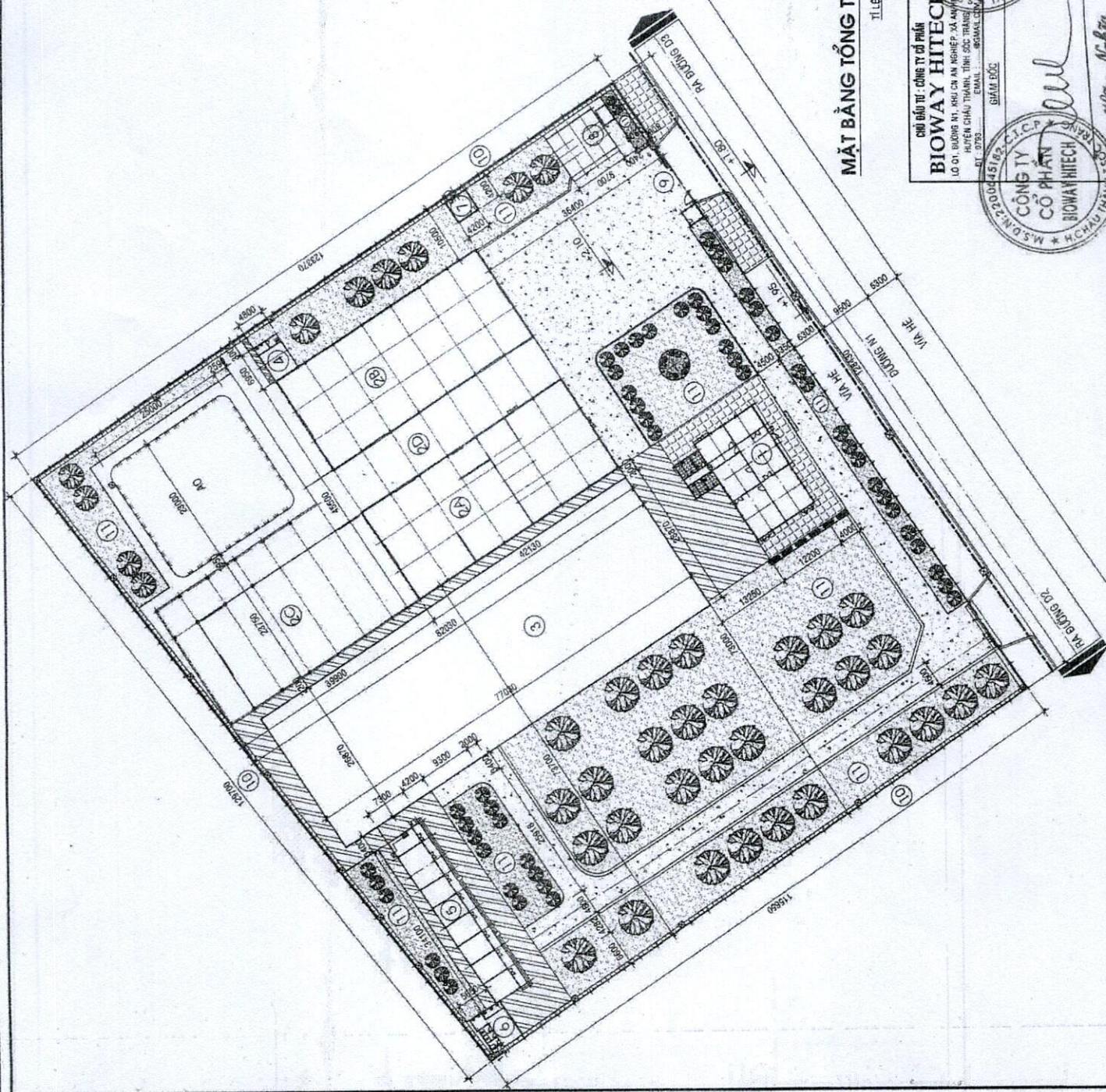
HỒ GA THOÁT NƯỚC, K.T: 1000x1000.

CÁC DIỆN TÍCH CỎ LẠI BAO GỒM: RÀNH THOÁT NƯỚC, HỒ GA,

CÔNG - TƯỜNG RÀO LÀ S = 930,56 M².

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỈ LỆ: 1/620



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY CỔ PHẦN
BIOWAY HITECH
LÔ 01, ĐƯỜNG M1, KHU CHẤU THÀNH, TỈNH QUẢNG TRẢNG
QUẢNG TRẢNG, VIỆT NAM
ĐT: 0793 684411

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DUY TRÌ
THẠO HUỠNH
C/O: TRẦN THẠO HUỠNH, PHƯỜNG 9, T.P. SÓC TRĂNG
HUYỆN CHÁU THÀNH, TỈNH QUẢNG TRẢNG
QUẢNG TRẢNG, VIỆT NAM
ĐT: 0793 684411

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
CÔNG TY CỔ PHẦN
BIOWAY HITECH
M.S.ĐN.220.0045182 - C.T.C.P.
CHÁU THÀNH 1/50

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ DUY TRÌ
THẠO HUỠNH
M.S.ĐN.220.0045182 - C.T.C.P.
CHÁU THÀNH 1/50

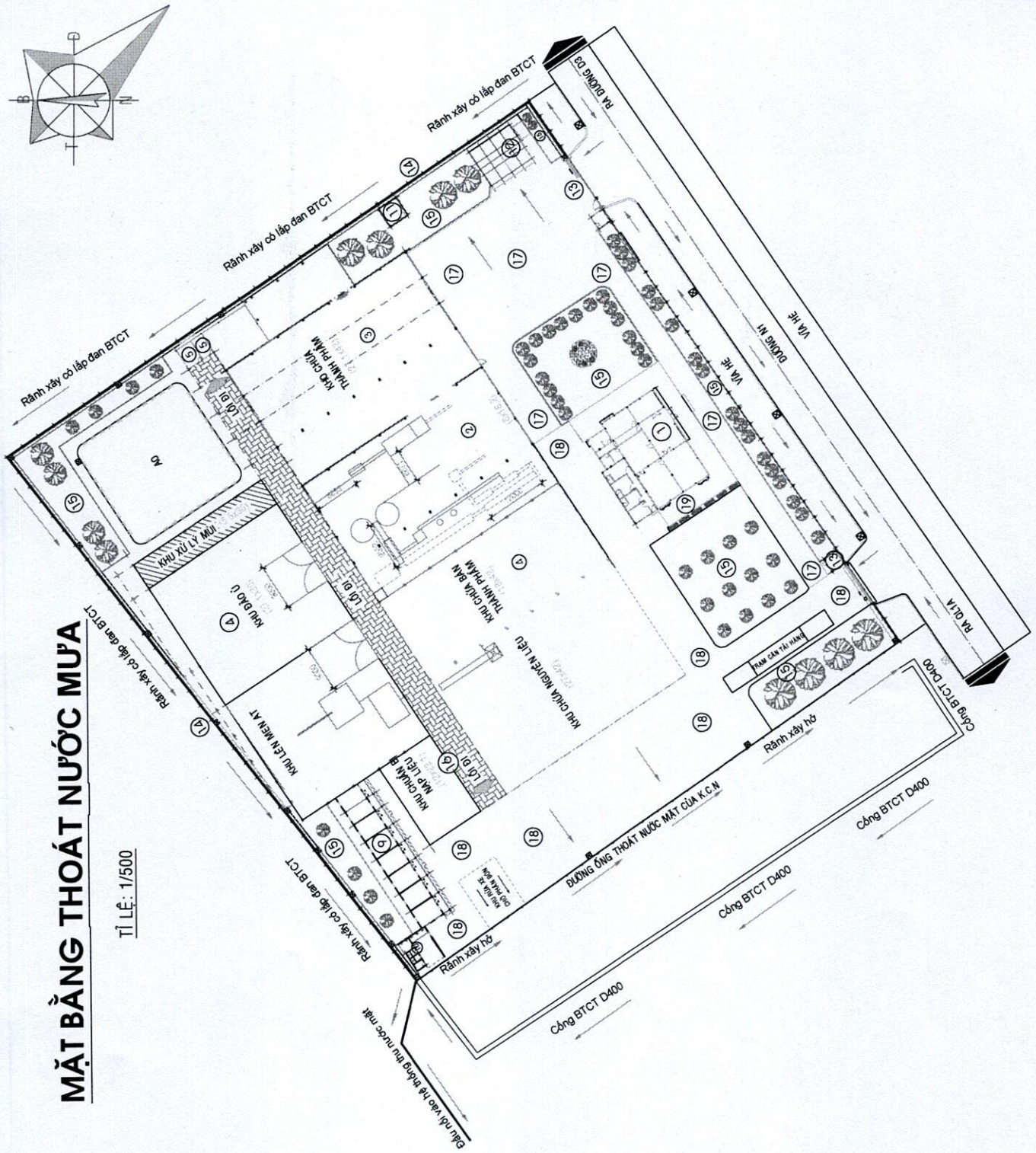
CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY PHÂN HỮU CỎ
VỊ SINH BIOWAY HITECH

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

HT	BVHT	TỈ LỆ	SỐ ĐỒ	PHÁT HÀNH LẦN
01	04 - 2013	1/500	09	1
Σ			19	

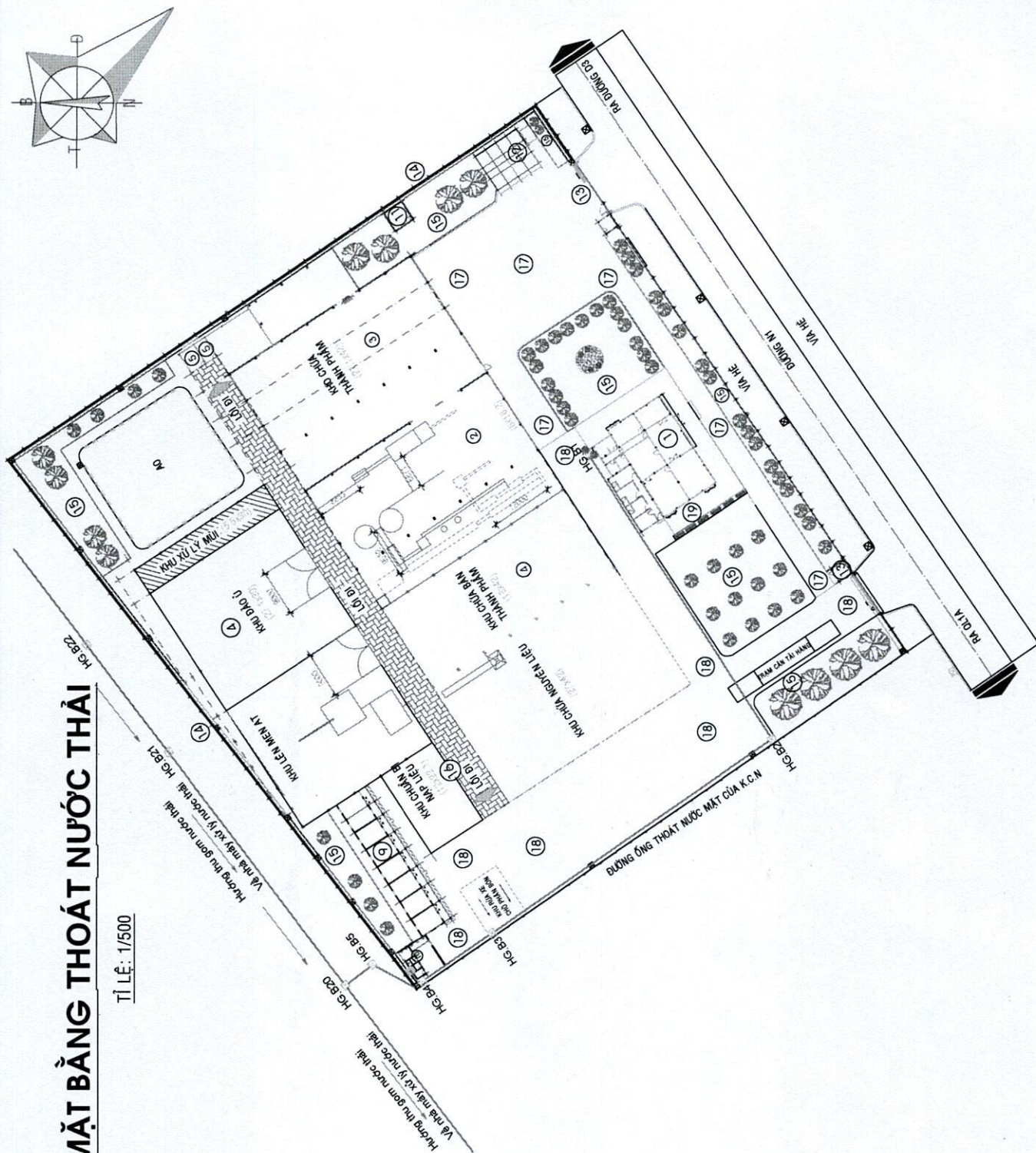
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

TỈ LỆ: 1/500



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

Tỉ lệ: 1/500



HỆ THỐNG Lò SẤY

GHI CHÚ:

- ① CHẢO SE VIÊN
- ② Lò SẤY
- ③ TRỐNG SẤY NÓNG
- ④ TRỐNG SẤY NGUỘI
- ⑤ TRỐNG SÀN LÔNG
- ⑥ TRỐNG TẠO MÀU
- ⑦ HỆ THỐNG CÂN TÍNH
- ⑧ HỆ THỐNG NGHIÊN PHẾ

